Phụ lục 1

DANH MỤC CÁC QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI THÀNH PHỐ HÀ NỘI, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN THEO PHƯƠNG ÁN ỦY QUYỀN GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Phụ lục kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của Chủ tịch UBND Thành phố)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

STT	Tên quy trình nội bộ	Ký hiệu
1.	Cấp Giấy phép lái xe quốc tế	QT-01
2.	Cấp Giấy phép lái xe	QT-02
3.	Cấp lại Giấy phép lái xe	QT-03
4.	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp	QT-04
5.	Đổi giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp sang giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp	QT-05
6.	Đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp sang giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp	QT-06
7.	Đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài sang giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp	QT-07
8.	Cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ	QT-08
9.	Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ	QT-09
10.	Chấp thuận thiết kế nút giao đấu nối vào đường quốc lộ đang khai thác	QT-10
11.	Cấp phép thi công nút giao đấu nối vào đường quốc lộ đang khai thác	QT-11
12.	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	QT-12
13.	Công bố đưa bến xe khách vào khai thác	QT-13
14.	Công bố lại bến xe khách	QT-14

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN THEO PHƯƠNG ÁN ỦY QUYỀN GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI.

STT	Tên quy trình nội bộ	Ký hiệu
I	**Thủ tục hành chính ủy quyền tiếp nhận và trả kết quả cho UBND quận, huyện, thị xã trên địa bàn thành phố Hà Nội**	
1	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp	QT-01
2	Cấp lại Giấy phép lái xe	QT-02
II	**Thủ tục hành chính ủy quyền giải quyết cho Chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội**	
3	Cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ	QT-03

Phụ lục 2

NỘI DUNG CÁC QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ THUỘC THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI THÀNH PHỐ HÀ NỘI, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN THEO PHƯƠNG ÁN ỦY QUYỀN GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Phụ lục kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của Chủ tịch UBND Thành phố)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

1. Quy trình Cấp Giấy phép lái xe quốc tế (QT-01)

1	**MỤC ĐÍCH** Quy định trình tự và cách thức thủ tục cấp giấy phép lái xe quốc tế.
2	**PHẠM VI** Áp dụng đối với cá nhân có nhu cầu cấp giấy phép lái xe quốc tế. Cán bộ, công chức thuộc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.
3	**NỘI DUNG QUY TRÌNH**
3.1	**Cơ sở pháp lý**
	1. Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; đào tạo, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ; 2. Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng; 3. Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư quy định về phí, lệ phí của Bộ trưởng Bộ Tài chính nhằm khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến. 4. Quyết định số 1503/QĐ-BGTVT ngày 09/12/2024 của Bộ GTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT. 5. Quyết định số 6806/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND thành phố Hà Nội v/v công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung,thay thế lĩnh vực đường bộ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Sở

	Giao thông vận tải; thủ tục hành chính thực hiện theo phương án ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội.		
3.2	**Thành phần hồ sơ**	**Bản chính**	**Bản sao**
	**** Đối với người Việt Nam, người nước ngoài có thẻ thường trú hoặc thẻ tạm trú tại Việt Nam, có giấy phép lái xe quốc gia do Việt Nam cấp bằng vật liệu PET. còn giá trị sử dụng:***		
	- Hồ sơ phải nộp: Đơn đề nghị cấp IDP theo mẫu quy định.	X	
	- Hồ sơ phải xuất trình:		
	+ Bản chính giấy phép lái xe quốc gia do Việt Nam cấp;	X	
	+ Hộ chiếu, thẻ thường trú (đối với người nước ngoài).	X	
	**** Đối với người Việt Nam, người nước ngoài có thẻ thường trú hoặc thẻ tạm trú tại Việt Nam: có giấy phép lái xe quốc gia do các quốc gia là thành viên của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên cấp, còn giá trị sử dụng:***		
	- Hồ sơ phải nộp:		
	+ Đơn đề nghị cấp IDP theo mẫu quy định.	X	
	+ Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài ra tiếng Việt được bảo chứng chất lượng dịch thuật của cơ quan Công chứng hoặc Đại sứ quán, Lãnh sự quán tại Việt Nam mà người dịch làm việc, đóng dấu giáp lai với bản sao giấy phép lái xe;	X	
	+ Bản sao thẻ tạm trú hoặc thẻ thường trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ đối với người nước ngoài.		X
	- Hồ sơ phải xuất trình:		
	+ Bản chính giấy phép lái xe quốc gia do các quốc gia là thành viên của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên cấp;	X	

	+ Hộ chiếu, thẻ thường trú hoặc tạm trú (đối với người nước ngoài).	X		
3.3	**Số lượng hồ sơ**			
	01 bộ			
3.4	**Thời gian xử lý**			
	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị cấp IDP đúng theo quy định.			
3.5	**Nơi tiếp nhận và trả kết quả**			
	Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Sở Giao thông vận tải Hà Nội, số 16 Cao Bá Quát, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội hoặc nộp hồ sơ trực tuyến.			
3.6	**Phí, lệ phí**			
	- Lệ phí cấp giấy pháp lái xe: 135.000 đồng/lần. - Trường hợp tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến: Kể từ ngày 01/12/2023 đến hết ngày 31/12/2025, áp dụng mức thu lệ phí là 115.000 đồng/lần cấp.			
3.7	**Quy trình xử lý công việc**			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
3.7.1	**Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp**			
B1	Nộp hồ sơ và phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp Giấy phép lái xe khi được tiếp nhận hồ sơ theo quy định.	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 5.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ, chụp ảnh trực tiếp và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày.	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 01, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP

B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Sở GTVT	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Tra cứu Giấy phép lái xe, thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở GTVT	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05 Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B6	Trình Lãnh đạo Sở ký số (có thể ủy quyền cho Lãnh đạo Phòng phê duyệt trên hệ thống phần mềm để đảm bảo tiến độ thời gian);	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở GTVT	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Tờ trình
B7	In: Giấy phép lái xe.	Chuyên viên - Sở GTVT	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục XXVIII, Thông tư 35/2024/TT-BGTVT
B8	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở GTVT	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục XXVIII, Thông tư 35/2024/TT-BGTVT
B9	Trả kết quả cho cá nhân	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục XXVIII, Thông tư 35/2024/TT-

				BGTVT
B10	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06 Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP;
3.7.2	**Trường hợp sử dụng Dịch vụ công mức độ 4 (sử dụng phần mềm do Tổng cục Đường bộ Việt Nam chuyển giao)**			
B1	Nộp hồ sơ trực tuyến: cá nhân kê khai theo hướng dẫn và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính hợp pháp của nội dung đã kê khai, phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp Giấy phép lái xe thông qua chức năng thanh toán của hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nộp phí sử dụng dịch vụ khác theo nhu cầu của cá nhân.	Cá nhân	Trong và ngoài giờ hành chính	Đủ các trường thông tin được hướng dẫn trên màn hình trực tuyến
B2	Tra cứu Giấy phép lái xe	Chuyên viên - Sở GTVT	1 ngày làm việc	Thông tin từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
B3	Thẩm định hồ sơ trực tuyến	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở GTVT	0,5 ngày làm việc	Thông tin từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
B4	Trình Lãnh đạo Sở ký số (có thể ủy quyền cho Lãnh đạo Phòng phê duyệt trên hệ thống phần mềm để đảm bảo tiến độ thời gian);	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở GTVT	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Tờ trình
B5	In: Giấy phép lái xe.	Chuyên viên - Sở GTVT	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông

				tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục XXVIII, Thông tư 35/2024/TT-BGTVT
B6	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở GTVT	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục XXVIII, Thông tư 35/2024/TT-BGTVT
B7	Trả kết quả cho cá nhân qua đường bưu điện	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục XXVIII, Thông tư 35/2024/TT-BGTVT
B8	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	**Biểu mẫu**			
	1. Giấy phép lái xe quốc tế. 2. Đơn đề nghị cấp giấy phép lái xe quốc tế. 3.Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.			

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE QUỐC TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independent - Freedom - Happiness

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE QUỐC TẾ
APPLICATION FORM FOR ISSUANCE OF INTERNATIONAL DRIVING PERMIT

Ảnh màu photograph

Kính gửi (To)**:**.....

Tôi là (Full name): .....

Ngày tháng năm sinh (date of birth) .....

Số hộ chiếu (Passport No.) ……...cấp ngày (Issuing date): ngày (date): ..... tháng (month)..... năm (year)…..... nơi cấp (Place of issue):.....

hoặc Số định danh cá nhân (personal identification No.): .....

Hiện có giấy phép lái xe số (Current driving licence No.): .....

Cơ quan cấp (Issuing Office): .....

Tại (Place of issue): .....

Cấp ngày (Issuing date): ngày (date): ..... tháng (month)..... năm (year).....

Lý do xin cấp giấy phép lái xe (Reason of application for International driving permit:

.....

....., ngày(date)..... tháng (month)..... năm(year).....
NGƯỜI LÀM ĐƠN (APPLICANT)
(Ký và ghi rõ họ tên)
(Signature and Full name)

MẪU GIẤY PHÉP LÁI XE QUỐC TẾ

TRANG SỐ 1

(Mặt ngoài của trang bìa trước)

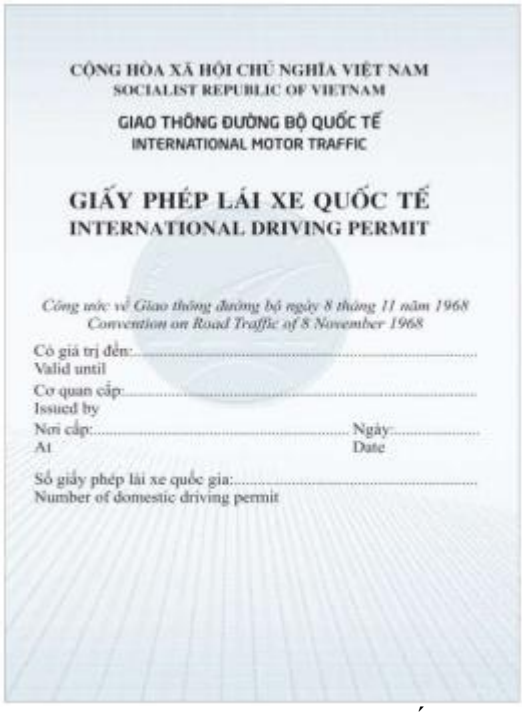

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ
INTERNATIONAL MOTOR TRAFFIC

GIẤY PHÉP LÁI XE QUỐC TẾ
INTERNATIONAL DRIVING PERMIT

Công ước về Giao thông đường bộ ngày 8 tháng 11 năm 1968
Convention on Road Traffic of 8 November 1968

Có giá trị đến:.....
Valid until
Cơ quan cấp:.....
Issued by
Nơi cấp:..... Ngày:.....
At Date

Số giấy phép lái xe quốc gia:.....
Number of domestic driving permit

Thông tin cơ bản của IDP được in song ngữ tiếng Việt và tiếng Anh

TRANG SỐ 2

(Mặt trong của trang bìa trước)

Giấy phép này không có giá trị trong lãnh thổ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

This permit is not valid for the territory of Socialist Republic of Vietnam.

Có giá trị trong lãnh thổ của tất cả các bên tham gia với các điều kiện phù hợp với giấy phép lái xe quốc gia. Những hạng xe được phép lái là những hạng ghi tại cuối quyển này.

It is valid for the territories of all the other Contracting Parties on condition that it is presented with the corresponding domestic driving permit. The categories of vehicles for which the permit is valid are stated at the end of the booklet.

Giấy phép này sẽ không có hiệu lực tại lãnh thổ của bên tham gia khác khi người có tên trong đó đăng ký thường trú tại Quốc gia đó.

This permit shall cease to be valid in the territory of another Contracting Party if its holder establishes his normal residence there.

INTERNATIONAL

Phạm vi sử dụng IDP in song ngữ tiếng Việt và tiếng Anh

TRANG SỐ 3

PHẦN KHAI VỀ NGƯỜI LÁI XE

Họ và tên:
Tên khác:
Nơi sinh:
Ngày sinh:
Địa chỉ:

GIẤY PHÉP CÓ GIÁ TRỊ VỚI CÁC HẠNG XE VÀ CÁC CẤP HẠNG XE CÓ MÃ TƯƠNG ỨNG, CÓ GIÁ TRỊ TRÊN GIẤY PHÉP LÁI XE

Mã hạng phương tiện/hình vẽ	Mã cấp phương tiện/hình vẽ
A	A1
B	B1
C	C1
D	D1
	D2
BE	
CE	C1E
DE	D1E
	D2E

NHỮNG ĐIỀU KIỆN HẠN CHẾ SỬ DỤNG

DRIVING PERMIT

Phần khai về người lái xe và phân hạng IDP in bằng tiếng Việt

TRANG SỐ 5

PARTICULARS CONCERNING THE DRIVER

Family name:
Given name, other names:
Place of birth:
Date of birth:
Place of normal residence:

CATEGORIES AND SUBCATEGORIES OF VEHICLES, WITH THE CORRESPONDING CODES, FOR WHICH THE PERMIT IS VALID

Category code/Pictogram	Subcategory code/Pictogram
A	A1
B	B1
C	C1
D	D1
	D2
BE	
CE	C1E
DE	D1E
	D2E

RESTRICTIVE CONDITIONS OF USE

DRIVING PERMIT

Phần khai về người lái xe và phân hạng IDP in bằng tiếng Anh

TRANG SỐ 6

ЗАПИСИ, ОТНОСЯЩИЕСЯ К ВОДИТЕЛЮ

Фамилия:
Имя другие имена:
Место рождения:
Дата рождения:
Обычное местожительство:

КАТЕГОРИИ И ПОДКАТЕГОРИИ ТРАНСПОРТНЫХ СРЕДСТВ С УКАЗАНИЕМ СООТВЕТСТВУЮЩИХ КОДОВ, НА УПРАВЛЕНИЕ КОТОРЫМИ ВЫДАНО УДОСТОВЕРЕНИЕ

Код категории/Пиктограмма	Код подкатегории/Пиктограмма
A	A1
B	B1
C	C1
D	D1
	D2
BE	
CE	C1E
DE	D1E
	D2E

УСЛОВИЯ, ОГРАНИЧИВАЮЩИЕ ИСПОЛЬЗОВАНИЕ

INTERNATIONAL

Phần khai về người lái xe và phân hạng IDP in bằng tiếng Nga

TRANG SỐ 7

INDICACIONES RELATIVAS AL CONDUCTOR

Apellidos:
Nombres:
Lugar de nacimiento:
Fecha de nacimiento:
Lugar de residencia normal:

CATEGORÍAS Y SUBCATEGORÍAS DE VEHÍCULOS, CON LOS CÓDIGOS CORRESPONDIENTES, PARA LAS CUALES ES VÁLIDO EL PERMISO

Código de la categoría/Pictograma	Código de la subcategoría/Pictograma
A	A1
B	B1
C	C1
D	D1
	D2
BE	
CE	C1E
DE	D1E
	D2E

CONDICIONES RESTRICTIVAS

DRIVING PERMIT

Phần khai về người lái xe và phân hạng IDP in bằng tiếng Tây Ban Nha

TRANG SỐ 8

INDICATIONS RELATIVES AU CONDUCTEUR

Nom:
Prénom(s) ou autre(s) nom(s):
Lieu de naissance:
Date de naissance:
Lieu de résidence normale:

CATÉGORIES ET SOUS-CATÉGORIES DE VÉHICULES, AVEC LES CODES CORRESPONDANTS, POUR LESQUELLES LE PERMIS EST VALABLE

Code de la catégorie/Pictogramme	Code de la sous-catégorie/Pictogramme
A	A1
B	B1
C	C1
D	D1
	D2
BE	
CE	C1E
DE	D1E
	D2E

RESTRICTIONS À L'UTILISATION

INTERNATIONAL

Phần khai về người lái xe và phân hạng IDP in bằng tiếng Pháp

TRANG SỐ 9

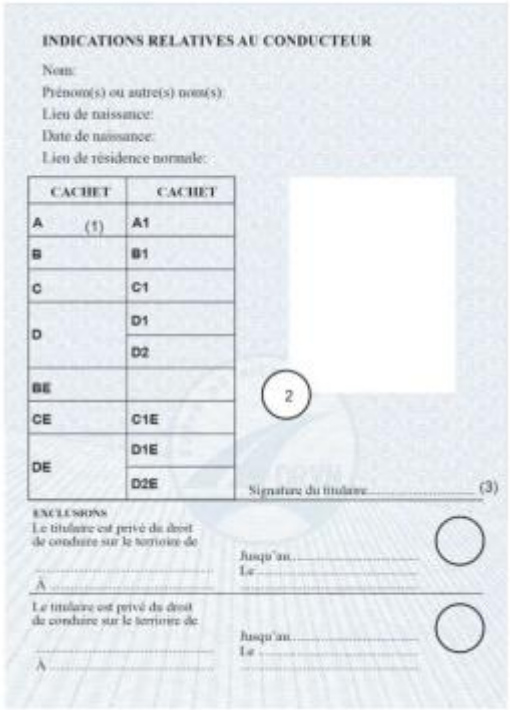

INDICATIONS RELATIVES AU CONDUCTEUR

Nom:
Prénom(s) ou autre(s) nom(s):
Lieu de naissance:
Date de naissance:
Lieu de résidence normale:

CACHET	CACHET
A (1)	A1
B	B1
C	C1
D	D1
	D2
BE	
CE	C1E
DE	D1E
	D2E

(2)

Signature du titulaire..... (3)

EXCLUSIONS

Le titulaire est privé du droit de conduire sur le territoire de

Jusqu'au.....
Le.....

A .....

Le titulaire est privé du droit de conduire sur le territoire de

Jusqu'au.....
Le.....

A .....

Hạng xe được điều khiển in bằng tiếng Pháp

(1) Vị trí đóng dấu hạng xe điều khiển được cấp
(2) Vị trí đóng dấu giáp lai
(3) Vị trí chữ ký của người được cấp IDP

2. Quy trình Cấp Giấy phép lái xe (QT-02)

1	**MỤC ĐÍCH** Quy định trình tự và cách thức thủ tục cấp giấy phép lái xe		
2	**PHẠM VI** Áp dụng đối với cá nhân có nhu cầu cấp giấy phép lái xe. Cán bộ, công chức thuộc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.		
3	**NỘI DUNG QUY TRÌNH**		
3.1	**Cơ sở pháp lý**		
	1. Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; đào tạo, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ; 2. Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng; 3. Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư quy định về phí, lệ phí của Bộ trưởng Bộ Tài chính nhằm khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến 4. Quyết định số 1503/QĐ-BGTVT ngày 09/12/2024 của Bộ GTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT. 5. Quyết định số 6806/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND thành phố Hà Nội v/v công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung,thay thế lĩnh vực đường bộ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Sở Giao thông vận tải; thủ tục hành chính thực hiện theo phương án ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội.		
3.2	**Thành phần hồ sơ**	**Bản chính**	**Bản sao**
	**** Đối với người dự sát hạch lái xe lần đầu***		
	- Hồ sơ do người học lái xe nộp:		
	+ Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe theo mẫu quy định;	X	
	+ Bản sao hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc một trong		X

	các giấy tờ sau: thẻ tạm trú, thẻ thường trú, chứng minh thư ngoại giao, chứng minh thư công vụ (đối với người nước ngoài).		
	- Hồ sơ do cơ sở đào tạo lái xe nộp:		
	+ Hồ sơ của người học lái xe;	X	
	+ Chứng chỉ sơ cấp hoặc chứng chỉ đào tạo hoặc xác nhận hoàn thành khóa đào tạo đối với người dự sát hạch lái xe hạng B1, B, C1;	X	
	+ Danh sách đề nghị sát hạch của cơ sở đào tạo lái xe có tên của người dự sát hạch;	X	
	+ Giấy khám sức khoẻ của người lái xe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh cấp còn hiệu lực.	X	
	**** Đối với người dự sát hạch nâng hạng giấy phép lái xe lên hạng C1, C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE***		
	- Hồ sơ do người học lái xe nộp:		
	+ Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe theo mẫu quy định;	X	
	+ Bản sao hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc một trong các giấy tờ sau: thẻ tạm trú, thẻ thường trú, chứng minh thư ngoại giao, chứng minh thư công vụ (đối với người nước ngoài);		X
	+ Bản sao bằng tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc bằng cấp tương đương trở lên đối với trường hợp nâng hạng giấy phép lái xe lên các hạng D1, D2 và D (xuất trình bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc);		X
	+ Bản khai thời gian lái xe an toàn theo mẫu quy định.	X	
	- Hồ sơ do cơ sở đào tạo lái xe nộp:		
	+ Hồ sơ của người học lái xe;	X	

	+ Chứng chỉ đào tạo hoặc xác nhận hoàn thành khóa đào tạo;	X	
	+ Danh sách đề nghị sát hạch của cơ sở đào tạo lái xe có tên của người dự sát hạch nâng hạng;	X	
	+ Giấy khám sức khoẻ của người lái xe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh cấp còn hiệu lực.	X	
	**** Đối với người dự sát hạch do giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng***		
	- Hồ sơ của người học lái xe		
	+ Đơn đề nghị theo mẫu quy định;	X	
	+ Giấy khám sức khoẻ của người lái xe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh cấp còn hiệu lực;	X	
	+ Bản sao hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc một trong các giấy tờ sau: thẻ tạm trú, thẻ thường trú, chứng minh thư ngoại giao, chứng minh thư công vụ (đối với người nước ngoài).		X
3.3	**Số lượng hồ sơ**		
	01 bộ		
3.4	**Thời gian xử lý**		
	05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch và người đạt kết quả kỳ sát hạch đã hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp giấy phép lái xe.		
3.5	**Nơi tiếp nhận và trả kết quả**		
	- Người học lái xe nộp hồ sơ tại cơ sở đào tạo lái xe. Nhận kết quả tại Bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải. Đối với trường hợp đăng ký nhận giấy phép lái xe qua Dịch vụ bưu chính công ích: Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích. - Cơ sở đào tạo lái xe nộp hồ sơ tại Bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải.		
3.6	**Phí, lệ phí**		

	- Phí sát hạch lái xe: + Đối với thi sát hạch lái xe mô tô (hạng xe A1, A2, A3, A4): Sát hạch lý thuyết: 60.000 đồng/lần; Sát hạch thực hành: 70.000 đồng/lần. + Đối với thi sát hạch lái xe ô tô (hạng xe B1, B2, C, D, E, F): Sát hạch lý thuyết: 100.000 đồng/lần; Sát hạch trong hình: 350.000 đồng/lần; Sát hạch trên đường giao thông: 80.000 đồng/lần; Sát hạch lái xe ô tô bằng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông: 100.000 đồng/lần. - Lệ phí cấp giấy pháp lái xe: 135.000 đồng/lần. Trường hợp tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến: Kể từ ngày 01/12/2023 đến hết ngày 31/12/2025, áp dụng mức thu lệ phí là 115.000 đồng/lần cấp.

3.7 Quy trình xử lý công việc

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	Nộp hồ sơ	Cơ sở đào tạo	Giờ hành chính	Theo mục 5.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày.	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 01, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	Tạm dừng quy trình cho đến khi có kết quả sát hạch	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Phân công xử lý (Tiếp tục giải quyết sau khi có kết quả sát hạch).	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Sở GTVT	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Lập Quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch, trình Trưởng phòng.	Chuyên viên - Sở GTVT	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP ;
B6	Thẩm định, ký nháy Quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch, trình Lãnh đạo Sở.	Trưởng phòng chuyên môn - Sở GTVT	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP ;
B7	Ký Quyết định công	Lãnh đạo Sở	0,25 ngày	Mẫu số 05, Phụ lục II,

	nhận trúng tuyển kỳ sát hạch.	GTVT	làm việc	Thông tư 01/2018/TT-VPCP ;
B8	Lập Báo cáo đề xuất về việc cấp giấy phép lái xe cho người trúng tuyển kỳ sát hạch lái xe, trình Trưởng phòng.	Chuyên viên - Sở GTVT	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP ;
B9	Ký phê duyệt báo cáo đề xuất về việc cấp giấy phép lái xe cho người trúng tuyển kỳ sát hạch lái xe.	Trưởng phòng chuyên môn - Sở GTVT	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP ;
B10	Giao báo cáo đề xuất về việc cấp giấy phép lái xe cho người trúng tuyển kỳ sát hạch lái xe đã được phê duyệt, hồ sơ kỳ sát hạch, hồ sơ người dự sát hạch cho bộ phận in Giấy phép lái xe.	Chuyên viên - Sở GTVT	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP ;
B11	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký số (có thể ủy quyền cho Lãnh đạo Phòng phê duyệt trên hệ thống phần mềm để đảm bảo tiến độ thời gian);	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở GTVT	1 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP;
B12	In: Giấy phép lái xe.	Chuyên viên - Sở GTVT	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục XXIV, Thông tư 35/2024/TT-BGTVT
B13	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở GTVT	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục XXIV, Thông tư 35/2024/TT-BGTVT

B14	Trả kết quả cho cơ sở đào tạo hoặc nhân viên Bưu điện (đối với trường hợp sử dụng Dịch vụ công cấp độ 4)	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục XXIV, Thông tư 35/2024/TT-BGTVT
B15	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên - Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06 Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	**Biểu mẫu**			
	1. Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe 2. Bản khai thời gian lái xe an toàn 3. Giấy phép lái xe 4.Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.			

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỌC, SÁT HẠCH ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
_____

Ảnh màu 3 cm x 4 cm chụp không quá 06 tháng

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỌC, SÁT HẠCH ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE

Kính gửi:.....

Tôi là:.....

Ngày tháng năm sinh: .....

Số Căn cước công dân hoặc Số Chứng minh nhân dân: .....

hoặc Hộ chiếu số..... ngày cấp..... nơi cấp: .....

Đã có giấy phép lái xe số:.....hạng.....
do:..... cấp ngày: ..... /..... / .....

Đề nghị cho tôi được học, dự sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng: .....

Đăng ký tích hợp giấy phép lái xe □

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ với hình thức tước quyền sử dụng giấy phép lái xe: có □ không □

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....
NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký và ghi rõ họ, tên)

MẪU BẢN KHAI THỜI GIAN LÁI XE AN TOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
_____

BẢN KHAI
THỜI GIAN LÁI XE AN TOÀN

Tôi là:.....

Ngày tháng năm sinh: .....

Số Căn cước công dân hoặc căn cước: .....

hoặc Hộ chiếu số..... ngày cấp…….. nơi cấp: .....

Hiện tại tôi có giấy phép lái xe số: ....., hạng ..... do: ..... cấp ngày: ..... /..... / …...

Từ ngày được cấp giấy phép lái xe đến nay, tôi đã có ..... năm lái xe an toàn.

Đề nghị ..... cho tôi được dự sát hạch nâng hạng lấy giấy phép lái xe hạng .....

Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung khai trên.

....., ngày ..... tháng ..... năm 20 .....
NGƯỜI KHAI
(Ký và ghi rõ họ, tên)

MẪU GIẤY PHÉP LÁI XE

Mẫu Giấy phép lái xe thực hiện từ ngày Thông tư này có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025

1. Hình thức giấy phép lái xe

Mặt trước:

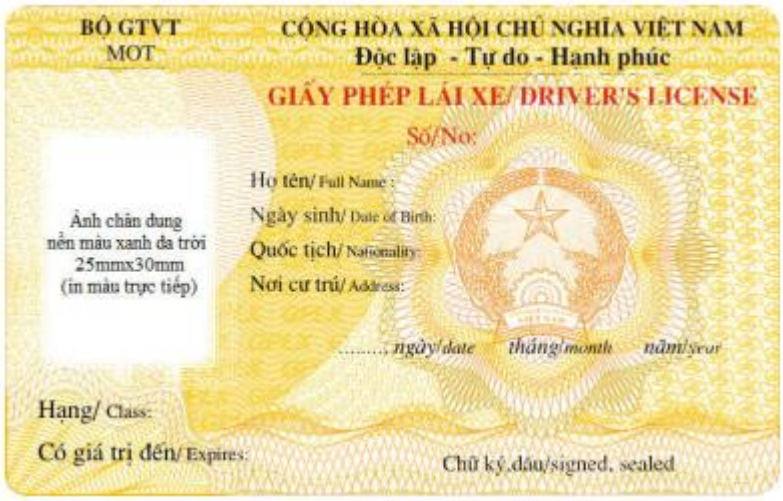

Mặt sau:

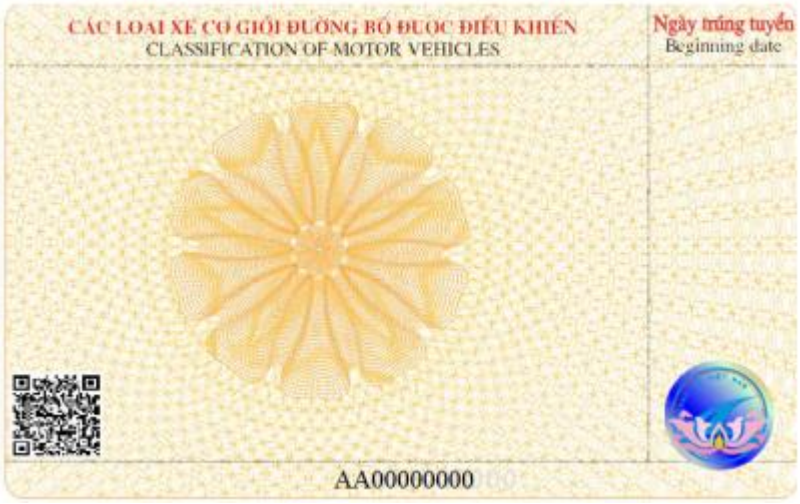

2. Quy cách giấy phép lái xe

a) Kích thước: 85,6 x 53,98 x 0,76 mm (theo Tiêu chuẩn ICAO loại ID-1).

b) Tiêu đề "GIẤY PHÉP LÁI XE/ DRIVER'S LICENSE", "CÁC LOẠI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ ĐƯỢC ĐIỀU KHIỂN", chữ "Số/No." và " Ngày trúng tuyển" có màu đỏ, các chữ khác in màu đen.

c) Ảnh của người lái xe chụp trên nền mầu xanh da trời được in trực tiếp trên giấy phép lái xe.

d) Có lớp màng phủ bảo an trên hai mặt của giấy phép lái xe.

đ) Phôi được làm bằng vật liệu PET. hoặc vật liệu có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương, có hoa văn màu vàng rơm và các ký hiệu bảo mật.

e) Có mã hai chiều (QR) để đọc, giải mã nhanh thông tin trên Giấy phép lái xe và liên kết với hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Cục Đường bộ Việt Nam.

3. Cách in giấy phép lái xe

In từng hạng giấy phép lái xe mà người lái xe được phép điều khiển (hiển thị bằng tiếng Việt và tiếng Anh).

Mẫu Giấy phép lái xe thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2026

1. Hình thức giấy phép lái xe

Mặt trước:

Mặt sau:

2. Quy cách giấy phép lái xe

Giấy phép lái xe là một tài liệu (in bằng tiếng Việt và tiếng Anh) bao gồm các thông tin như:

a) Phôi giấy phép lái xe được làm bằng vật liệu PET. hoặc vật liệu có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương, có hoa văn màu hồng và các ký hiệu bảo mật, có kích thước 85,6 x 53,98 x 0,76 mm (theo Tiêu chuẩn ICAO loại ID-1);

b) Trên mặt trước của giấy phép lái xe có dòng chữ "GIẤY PHÉP LÁI XE/ DRIVER'S LICENSE", "CÁC LOẠI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ ĐƯỢC ĐIỀU KHIỂN", chữ "Số/No." và " Ngày trúng tuyển" có màu đen, được in đậm, các chữ khác màu đen, in thường;

c) Ảnh của người lái xe chụp trên nền mầu xanh da trời được in trực tiếp trên giấy phép lái xe;

d) Có lớp màng phủ bảo an trên hai mặt của giấy phép lái xe;

đ) Có mã hai chiều (QR) để đọc, giải mã nhanh thông tin trên Giấy phép lái xe và liên kết với hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Cục Đường bộ Việt Nam;

e) Mặt trước của giấy phép lái xe được đánh số, mỗi số hiển thị những thông tin sau:

1. Họ của người lái xe

2. Tên của người lái xe

3. Ngày tháng năm sinh và quốc gia nơi sinh của người lái xe

4a . Ngày cấp giấy phép lái xe

4b . Ngày hết hạn giấy phép lái xe

4c . Cơ quan cấp giấy phép lái xe

5. Số giấy phép lái xe

6. Ảnh chân dung (không đánh số)

7. Chữ ký của người lái xe

8. Địa chỉ cư trú của người lái xe

9. Các hạng giấy phép lái xe được phép lái được quy định tại mục 1 Mẫu số 03 Phụ lục này.

g) Mặt sau của giấy phép lái xe được đánh số, gồm bốn cột, mỗi cột được đánh số, hiển thị những thông tin sau:

1. Cột 9 hiển thị các loại xe (hạng xe) được phép điều khiển

2. Cột 10 hiển thị ngày cấp giấy phép lái xe

3. Cột 11 hiển thị ngày hết hạn của giấy phép lái xe

4. Cột 12 hiển thị các mã số giấy phép lái xe, được quy định tại mục 3 Mẫu số 02 Phụ lục này.

3. Cách in giấy phép lái xe

In từng hạng giấy phép lái xe mà người lái xe được phép điều khiển (hiển thị bằng tiếng Việt và tiếng Anh).

3. Quy trình Cấp lại Giấy phép lái xe (QT-03)

1	**MỤC ĐÍCH** Quy định trình tự và cách thức thủ tục cấp lại giấy phép lái xe		
2	**PHẠM VI** Áp dụng đối với cá nhân có nhu cầu cấp lại giấy phép lái xe. Cán bộ, công chức thuộc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.		
3	**NỘI DUNG QUY TRÌNH**		
3.1	**Cơ sở pháp lý**		
	1. Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; đào tạo, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ; 2. Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng; 3. Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư quy định về phí, lệ phí của bộ trưởng bộ tài chính nhằm khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến. 4. Quyết định số 1503/QĐ-BGTVT ngày 09/12/2024 của Bộ GTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT. 5. Quyết định số 6806/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND thành phố Hà Nội v/v công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung,thay thế lĩnh vực đường bộ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Sở Giao thông vận tải; thủ tục hành chính thực hiện theo phương án ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội.		
3.2	**Thành phần hồ sơ**	**Bản chính**	**Bản sao**
	- Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe theo mẫu quy định;	X	
	- Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh cấp còn hiệu lực (trừ người có giấy phép lái xe hạng A, A1, B1);	X	

	- Bản sao hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc của giấy phép lái xe hoặc Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ đối với trường hợp tước quyền sử dụng giấy phép lái xe tích hợp.		X
	- Hộ chiếu còn thời hạn sử dụng (đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài).		

3.3	**Số lượng hồ sơ**			
	01 bộ			
3.4	**Thời gian xử lý**			
	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định (bao gồm xác thực tài khoản định danh điện tử qua hệ thống định danh và xác thực điện tử).			
3.5	**Nơi tiếp nhận và trả kết quả**			
	Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Sở Giao thông vận tải Hà Nội hoặc nộp hồ sơ trực tuyến tại dichvucong.gov.vn			
3.6	**Phí, lệ phí**			
	Lệ phí cấp giấy phép lái xe: 135.000 đồng/lần. Trường hợp tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến: Kể từ ngày 01/12/2023 đến hết ngày 31/12/2025, áp dụng mức thu lệ phí là 115.000 đồng/lần cấp.			
3.7	**Quy trình xử lý công việc**			
TT	**Trình tự**	**Trách nhiệm**	**Thời gian**	**Biểu mẫu/Kết quả**
3.7.1	**Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp**			
B1	Nộp hồ sơ và phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp Giấy phép lái xe khi được tiếp nhận hồ sơ theo quy định.	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 5.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ, chụp ảnh trực tiếp và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày.	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 01, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP

B3	Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Sở GTVT	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Tra cứu, xác minh Giấy phép lái xe, thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở GTVT	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B6	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký số (có thể ủy quyền cho Lãnh đạo Phòng phê duyệt trên hệ thống phần mềm để đảm bảo tiến độ thời gian);	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở GTVT	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Tờ trình
B7	In: Giấy phép lái xe.	Chuyên viên - Sở GTVT	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục XXIV, Thông tư 35/2024/TT-BGTVT
B8	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở GTVT	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục XXIV, Thông tư 35/2024/TT-BGTVT
B9	Trả kết quả cho cá nhân	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục XXIV, Thông tư 35/2024/TT-BGTVT

B10	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên - Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
3.7.2.	**Trường hợp sử dụng Dịch vụ công trực tuyến toàn trình (sử dụng phần mềm của Cục Đường bộ Việt Nam)**			
B1	Nộp hồ sơ: Kê khai theo hướng dẫn, phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính hợp pháp của nội dung đã kê khai và phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp Giấy phép lái xe thông qua chức năng thanh toán của hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo quy định và nộp phí sử dụng dịch vụ khác theo nhu cầu của cá nhân.	Cá nhân	Trong và ngoài giờ hành chính	Đủ các trường thông tin được hướng dẫn trên màn hình trực tuyến
B2	Kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: xác nhận, yêu cầu thanh toán. - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện: thông báo từ chối.	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	2,0 ngày làm việc	
B3	Kiểm tra thông tin trong mail: - Trường hợp đã được xác nhận: thanh toán lệ phí; - Trường hợp bị từ chối: hoàn thiện hồ sơ nộp lại từ đầu.	Cá nhân	Trong và ngoài giờ hành chính	
B4	- Kiểm tra: Công dân đã thanh toán lệ phí, kiểm tra hồ sơ, tổng hợp những thông tin cần hiệu chỉnh để chuyển Bộ phận in Giấy phép lái xe. - Phần mềm tự động gửi	Chuyên viên - Sở GTVT	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP

	thông báo và ngày hẹn trả kết quả.			
B5	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký số (có thể ủy quyền cho Lãnh đạo Phòng phê duyệt trên hệ thống phần mềm để đảm bảo tiến độ thời gian);	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở GTVT	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Tờ trình
B6	In: Giấy phép lái xe.	Chuyên viên - Sở GTVT	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục XXIV, Thông tư 35/2024/TT-BGTVT
B7	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở GTVT	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục XXIV, Thông tư 35/2024/TT-BGTVT
B8	Trả kết quả trực tiếp cho công dân hoặc nhân viên Bưu điện (theo nhu cầu của công dân đăng ký trên Cổng Dịch vụ công).	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03 Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục XXIV, Thông tư 35/2024/TT-BGTVT
B9	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	**Biểu mẫu**			
	1. Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe 2. Giấy phép lái xe 3. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018			

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải……..

Tôi là:.....

Ngày tháng năm sinh: .....

Số Căn cước công dân hoặc căn cước: .....

hoặc Hộ chiếu số..... ngày cấp..... nơi cấp: .....

Đã học lái xe tại:.....năm.....

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng:.....số:..... do:..... cấp ngày…...../…...../.....

Đề nghị cho tôi được đổi (cấp lại) giấy phép lái xe hạng:.....

Lý do:.....

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ: Có □ Không □

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày ..... tháng ..... năm 20 .....
NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký và ghi rõ họ, tên)

MẪU GIẤY PHÉP LÁI XE

Mẫu Giấy phép lái xe thực hiện từ ngày Thông tư này có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025

1. Hình thức giấy phép lái xe

Mặt trước:

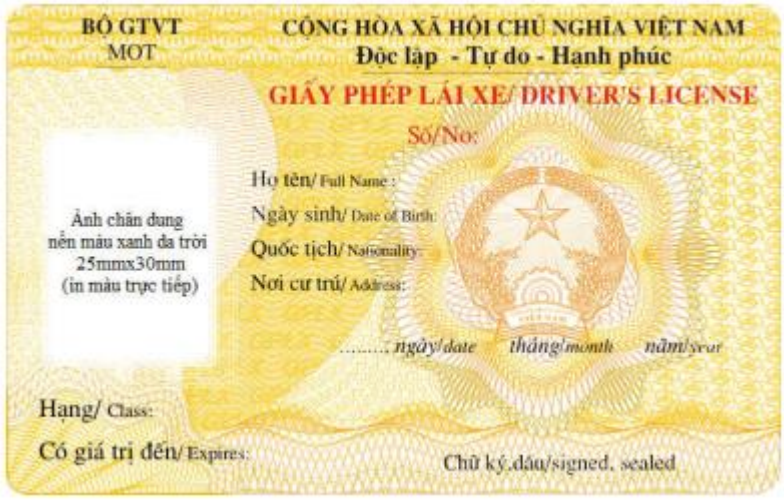

Mặt sau:

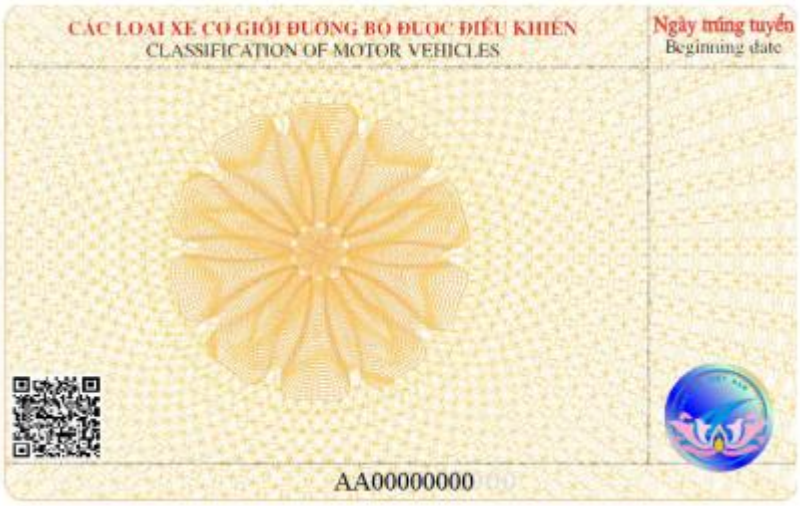

2. Quy cách giấy phép lái xe

a) Kích thước: 85,6 x 53,98 x 0,76 mm (theo Tiêu chuẩn ICAO loại ID-1).

b) Tiêu đề "GIẤY PHÉP LÁI XE/ DRIVER'S LICENSE", "CÁC LOẠI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ ĐƯỢC ĐIỀU KHIỂN", chữ "Số/No." và " Ngày trúng tuyển" có màu đỏ, các chữ khác in màu đen.

c) Ảnh của người lái xe chụp trên nền mầu xanh da trời được in trực tiếp trên giấy phép lái xe.

d) Có lớp màng phủ bảo an trên hai mặt của giấy phép lái xe.

đ) Phôi được làm bằng vật liệu PET. hoặc vật liệu có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương, có hoa văn màu vàng rơm và các ký hiệu bảo mật.

e) Có mã hai chiều (QR) để đọc, giải mã nhanh thông tin trên Giấy phép lái xe và liên kết với hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Cục Đường bộ Việt Nam.

3. Cách in giấy phép lái xe

In từng hạng giấy phép lái xe mà người lái xe được phép điều khiển (hiển thị bằng tiếng Việt và tiếng Anh).

Mẫu Giấy phép lái xe thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2026

1. Hình thức giấy phép lái xe

Mặt trước:

Mặt sau:

2. Quy cách giấy phép lái xe

Giấy phép lái xe là một tài liệu (in bằng tiếng Việt và tiếng Anh) bao gồm các thông tin như:

a) Phôi giấy phép lái xe được làm bằng vật liệu PET. hoặc vật liệu có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương, có hoa văn màu hồng và các ký hiệu bảo mật, có kích thước 85,6 x 53,98 x 0,76 mm (theo Tiêu chuẩn ICAO loại ID-1);

b) Trên mặt trước của giấy phép lái xe có dòng chữ "GIẤY PHÉP LÁI XE/ DRIVER'S LICENSE", "CÁC LOẠI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ ĐƯỢC ĐIỀU KHIỂN", chữ "Số/No." và " Ngày trúng tuyển" có màu đen, được in đậm, các chữ khác màu đen, in thường;

c) Ảnh của người lái xe chụp trên nền mầu xanh da trời được in trực tiếp trên giấy phép lái xe;

d) Có lớp màng phủ bảo an trên hai mặt của giấy phép lái xe;

đ) Có mã hai chiều (QR) để đọc, giải mã nhanh thông tin trên Giấy phép lái xe và liên kết với hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Cục Đường bộ Việt Nam;

e) Mặt trước của giấy phép lái xe được đánh số, mỗi số hiển thị những thông tin sau:

1. Họ của người lái xe

2. Tên của người lái xe

3. Ngày tháng năm sinh và quốc gia nơi sinh của người lái xe

4a . Ngày cấp giấy phép lái xe

4b . Ngày hết hạn giấy phép lái xe

4c . Cơ quan cấp giấy phép lái xe

5. Số giấy phép lái xe

6. Ảnh chân dung (không đánh số)

7. Chữ ký của người lái xe

8. Địa chỉ cư trú của người lái xe

9. Các hạng giấy phép lái xe được phép lái được quy định tại mục 1 Mẫu số 03 Phụ lục này.

g) Mặt sau của giấy phép lái xe được đánh số, gồm bốn cột, mỗi cột được đánh số, hiển thị những thông tin sau:

1. Cột 9 hiển thị các loại xe (hạng xe) được phép điều khiển

2. Cột 10 hiển thị ngày cấp giấy phép lái xe

3. Cột 11 hiển thị ngày hết hạn của giấy phép lái xe

4. Cột 12 hiển thị các mã số giấy phép lái xe, được quy định tại mục 3 Mẫu số 02 Phụ lục này.

3. Cách in giấy phép lái xe

In từng hạng giấy phép lái xe mà người lái xe được phép điều khiển (hiển thị bằng tiếng Việt và tiếng Anh).

4. Quy trình Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp (QT-04)

1	**MỤC ĐÍCH** Quy định trình tự và cách thức thủ tục đổi giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp.		
2	**PHẠM VI** Áp dụng đối với cá nhân có nhu cầu đổi giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp. Cán bộ, công chức thuộc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.		
3	**NỘI DUNG QUY TRÌNH**		
3.1	**Cơ sở pháp lý**		
	1. Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; đào tạo, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ; 2. Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng; 3. Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư quy định về phí, lệ phí của bộ trưởng bộ tài chính nhằm khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến. 4. Quyết định số 1503/QĐ-BGTVT ngày 09/12/2024 của Bộ GTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT. 5. Quyết định số 6806/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND thành phố Hà Nội v/v công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung,thay thế lĩnh vực đường bộ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Sở Giao thông vận tải; thủ tục hành chính thực hiện theo phương án ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội.		
3.2	**Thành phần hồ sơ**	**Bản chính**	**Bản sao**
	- Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe theo mẫu quy định;	X	

	- Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh cấp còn hiệu lực (trừ người có giấy phép lái xe hạng A, A1, B1);	X	
	- Bản sao hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc của giấy phép lái xe hoặc Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ đối với trường hợp tước quyền sử dụng giấy phép lái xe tích hợp.		X
	- Hộ chiếu còn thời hạn sử dụng (đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài).		
3.3	**Số lượng hồ sơ**		
	01 bộ		
3.4	**Thời gian xử lý**		
	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định (bao gồm xác thực tài khoản định danh điện tử qua hệ thống định danh và xác thực điện tử).		
3.5	**Nơi tiếp nhận và trả kết quả**		
	Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Sở Giao thông vận tải Hà Nội hoặc nộp hồ sơ trực tuyến		
3.6	**Phí, lệ phí**		
	Lệ phí cấp giấy phép lái xe: Lệ phí cấp giấy phép lái xe: 135.000 đồng/lần. Trường hợp tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến: Kể từ ngày 01/12/2023 đến hết ngày 31/12/2025, áp dụng mức thu lệ phí là 115.000 đồng/lần cấp.		
3.7	**Quy trình xử lý công việc**		
TT	**Trình tự**	**Trách nhiệm**	**Thời gian**	**Biểu mẫu/Kết quả**
3.7.1	**Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp**		
B1	Nộp hồ sơ và phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp Giấy phép lái xe	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 5.2

	khi được tiếp nhận hồ sơ theo quy định.			
B2	Tiếp nhận hồ sơ, chụp ảnh trực tiếp và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày.	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 01, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Sở GTVT	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Tra cứu, xác minh Giấy phép lái xe, thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở GTVT	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B6	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký số (có thể ủy quyền cho Lãnh đạo Phòng phê duyệt trên hệ thống phần mềm để đảm bảo tiến độ thời gian);	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở GTVT	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Tờ trình
B7	In: Giấy phép lái xe.	Chuyên viên - Sở GTVT	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục XXIV, Thông tư 35/2024/TT-BGTVT
B8	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở GTVT	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục XXIV, Thông tư

				35/2024/TT-BGTVT
B9	Trả kết quả cho cá nhân	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục XXIV, Thông tư 35/2024/TT-BGTVT
B10	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên - Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
3.7.2	**Trường hợp sử dụng Dịch vụ công trực tuyến toàn trình (sử dụng phần mềm của Cục Đường bộ Việt Nam)**			
B1	Nộp hồ sơ: Kê khai theo hướng dẫn, phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính hợp pháp của nội dung đã kê khai và phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp Giấy phép lái xe thông qua chức năng thanh toán của hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo quy định và nộp phí sử dụng dịch vụ khác theo nhu cầu của cá nhân.	Cá nhân	Trong và ngoài giờ hành chính	Đủ các trường thông tin được hướng dẫn trên màn hình trực tuyến
B2	Kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: xác nhận, yêu cầu thanh toán. - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện: thông báo từ chối.	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	2,0 ngày làm việc	
B3	Kiểm tra thông tin trong mail: - Trường hợp đã được xác nhận: thanh toán lệ	Cá nhân	Trong và ngoài giờ hành chính	

	phí; - Trường hợp bị từ chối: hoàn thiện hồ sơ nộp lại từ đầu.			
B4	- Kiểm tra: Công dân đã thanh toán lệ phí, kiểm tra hồ sơ, tổng hợp những thông tin cần hiệu chỉnh để chuyển Bộ phận in Giấy phép lái xe. - Phần mềm tự động gửi thông báo và ngày hẹn trả kết quả.	Chuyên viên - Sở GTVT	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký số (có thể ủy quyền cho Lãnh đạo Phòng phê duyệt trên hệ thống phần mềm để đảm bảo tiến độ thời gian);	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở GTVT	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Tờ trình
B6	In: Giấy phép lái xe.	Chuyên viên - Sở GTVT	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục XXIV, Thông tư 35/2024/TT-BGTVT
B7	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở GTVT	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục XXIV, Thông tư 35/2024/TT-BGTVT
B8	Trả kết quả trực tiếp cho công dân hoặc nhân viên Bưu điện (theo nhu cầu của công dân đăng ký	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03 Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục XXIV,

	trên Cổng Dịch vụ công).			Thông tư 35/2024/TT-BGTVT
B9	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	**Biểu mẫu**			
	1. Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe 2. Giấy phép lái xe 3. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018			

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải……..

Tôi là:.....

Ngày tháng năm sinh: .....

Số Căn cước công dân hoặc căn cước: .....

hoặc Hộ chiếu số..... ngày cấp..... nơi cấp: .....

Đã học lái xe tại:.....năm.....

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng:.....số:..... do:..... cấp ngày…...../…...../.....

Đề nghị cho tôi được đổi (cấp lại) giấy phép lái xe hạng:.....

Lý do:.....

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ: Có □ Không □

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày ..... tháng ..... năm 20 .....
NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký và ghi rõ họ, tên)

MẪU GIẤY PHÉP LÁI XE

Mẫu Giấy phép lái xe thực hiện từ ngày Thông tư này có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025

1. Hình thức giấy phép lái xe

Mặt trước:

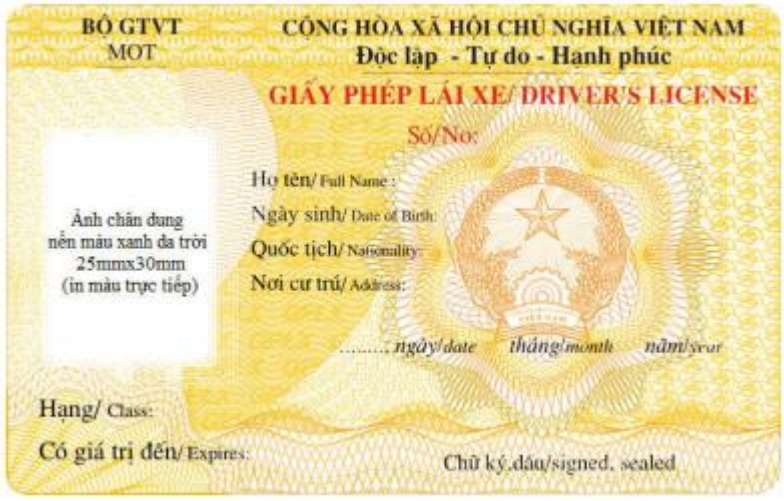

Mặt sau:

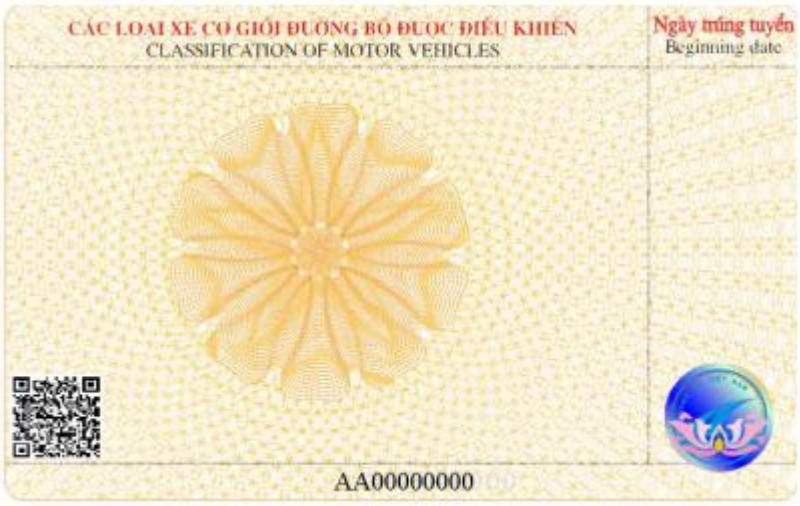

2. Quy cách giấy phép lái xe

a) Kích thước: 85,6 x 53,98 x 0,76 mm (theo Tiêu chuẩn ICAO loại ID-1).

b) Tiêu đề "GIẤY PHÉP LÁI XE/ DRIVER'S LICENSE", "CÁC LOẠI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ ĐƯỢC ĐIỀU KHIỂN", chữ "Số/No." và " Ngày trúng tuyển" có màu đỏ, các chữ khác in màu đen.

c) Ảnh của người lái xe chụp trên nền mầu xanh da trời được in trực tiếp trên giấy phép lái xe.

d) Có lớp màng phủ bảo an trên hai mặt của giấy phép lái xe.

đ) Phôi được làm bằng vật liệu PET. hoặc vật liệu có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương, có hoa văn màu vàng rơm và các ký hiệu bảo mật.

e) Có mã hai chiều (QR) để đọc, giải mã nhanh thông tin trên Giấy phép lái xe và liên kết với hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Cục Đường bộ Việt Nam.

3. Cách in giấy phép lái xe

In từng hạng giấy phép lái xe mà người lái xe được phép điều khiển (hiển thị bằng tiếng Việt và tiếng Anh).

Mẫu Giấy phép lái xe thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2026

1. Hình thức giấy phép lái xe

Mặt trước:

Mặt sau:

2. Quy cách giấy phép lái xe

Giấy phép lái xe là một tài liệu (in bằng tiếng Việt và tiếng Anh) bao gồm các thông tin như:

a) Phôi giấy phép lái xe được làm bằng vật liệu PET. hoặc vật liệu có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương, có hoa văn màu hồng và các ký hiệu bảo mật, có kích thước 85,6 x 53,98 x 0,76 mm (theo Tiêu chuẩn ICAO loại ID-1);

b) Trên mặt trước của giấy phép lái xe có dòng chữ "GIẤY PHÉP LÁI XE/ DRIVER'S LICENSE", "CÁC LOẠI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ ĐƯỢC ĐIỀU KHIỂN", chữ "Số/No." và " Ngày trúng tuyển" có màu đen, được in đậm, các chữ khác màu đen, in thường;

c) Ảnh của người lái xe chụp trên nền mầu xanh da trời được in trực tiếp trên giấy phép lái xe;

d) Có lớp màng phủ bảo an trên hai mặt của giấy phép lái xe;

đ) Có mã hai chiều (QR) để đọc, giải mã nhanh thông tin trên Giấy phép lái xe và liên kết với hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Cục Đường bộ Việt Nam;

e) Mặt trước của giấy phép lái xe được đánh số, mỗi số hiển thị những thông tin sau:

1. Họ của người lái xe

2. Tên của người lái xe

3. Ngày tháng năm sinh và quốc gia nơi sinh của người lái xe

4a . Ngày cấp giấy phép lái xe

4b . Ngày hết hạn giấy phép lái xe

4c . Cơ quan cấp giấy phép lái xe

5. Số giấy phép lái xe

6. Ảnh chân dung (không đánh số)

7. Chữ ký của người lái xe

8. Địa chỉ cư trú của người lái xe

9. Các hạng giấy phép lái xe được phép lái được quy định tại mục 1 Mẫu số 03 Phụ lục này.

g) Mặt sau của giấy phép lái xe được đánh số, gồm bốn cột, mỗi cột được đánh số, hiển thị những thông tin sau:

1. Cột 9 hiển thị các loại xe (hạng xe) được phép điều khiển

2. Cột 10 hiển thị ngày cấp giấy phép lái xe

3. Cột 11 hiển thị ngày hết hạn của giấy phép lái xe

4. Cột 12 hiển thị các mã số giấy phép lái xe, được quy định tại mục 3 Mẫu số 02 Phụ lục này.

3. Cách in giấy phép lái xe

In từng hạng giấy phép lái xe mà người lái xe được phép điều khiển (hiển thị bằng tiếng Việt và tiếng Anh).

5. Quy trình Đổi giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp sang giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp (QT-05)

1	**MỤC ĐÍCH** Quy định trình tự và cách thức thủ tục đổi giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp sang giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp		
2	**PHẠM VI** Áp dụng đối với cá nhân có nhu cầu đổi giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp sang giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp. Cán bộ, công chức thuộc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.		
3	**NỘI DUNG QUY TRÌNH**		
3.1	**Cơ sở pháp lý**		
	1. Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; đào tạo, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ; 2. Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng; 3. Quyết định số 1503/QĐ-BGTVT ngày 09/12/2024 của Bộ GTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT. 4. Quyết định số 6806/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND thành phố Hà Nội v/v công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung,thay thế lĩnh vực đường bộ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Sở Giao thông vận tải; thủ tục hành chính thực hiện theo phương án ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội.		
3.2	**Thành phần hồ sơ**	**Bản chính**	**Bản sao**
	- Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe theo mẫu quy định;	X	
	- Bản sao Quyết định thôi phục vụ trong quân đội do Thủ trưởng cấp Trung đoàn trở lên ký. Đối với lao động hợp đồng trong các doanh nghiệp quốc phòng: Bản sao quyết định chấm dứt hợp đồng lao động, thời hạn không quá 06 tháng tính từ ngày cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp		X

	quốc phòng ký.		
	- Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh cấp còn hiệu lực.	X	
	- Bản sao hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc của giấy phép lái xe quân sự còn thời hạn sử dụng.		X
3.3	**Số lượng hồ sơ**		
	01 bộ		
3.4	**Thời gian xử lý**		
	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.		
3.5	**Nơi tiếp nhận và trả kết quả**		
	Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Sở Giao thông vận tải Hà Nội hoặc nộp hồ sơ trực tuyến		
3.6	**Phí, lệ phí**		
	Lệ phí cấp giấy phép lái xe: 135.000 đồng/lần.		
3.7	**Quy trình xử lý công việc**		

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	Nộp hồ sơ + Nộp hồ sơ trực tiếp. + Hoặc đăng ký gửi hồ sơ dịch vụ công trực tuyến. Phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp Giấy phép lái xe khi được tiếp nhận hồ sơ theo quy định.	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 5.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ, chụp ảnh trực tiếp và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày. (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến, chụp ảnh trực	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 01, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP

	tiếp khi công dân đến lấy kết quả theo lịch hẹn).			
B3	Chuyển hồ sơ cho Phòng Quản lý phương tiện và người lái	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Sở GTVT	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Tra cứu, xác minh Giấy phép lái xe, thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở GTVT	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B6	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký số (có thể ủy quyền cho Lãnh đạo Phòng phê duyệt trên hệ thống phần mềm để đảm bảo tiến độ thời gian);	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở GTVT	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Tờ trình
B7	In: Giấy phép lái xe.	Chuyên viên - Sở GTVT	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục XXIV, Thông tư 35/2024/TT-BGTVT
B8	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở GTVT	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-

				VPCP; Phụ lục XXIV, Thông tư 35/2024/TT-BGTVT
B9	Trả kết quả cho cá nhân. (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến trả kết quả sau khi chụp ảnh trực tiếp, đối chiếu hồ sơ gốc (sau 02 giờ làm việc)).	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục XXIV, Thông tư 35/2024/TT-BGTVT
B10	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	**Biểu mẫu**			
	1. Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe 2. Giấy phép lái xe 3. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018			

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải……..

Tôi là:.....

Ngày tháng năm sinh: .....

Số Căn cước công dân hoặc căn cước: .....

hoặc Hộ chiếu số..... ngày cấp..... nơi cấp: .....

Đã học lái xe tại:.....năm.....

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng:.....số:..... do:..... cấp ngày…...../…...../.....

Đề nghị cho tôi được đổi (cấp lại) giấy phép lái xe hạng:.....

Lý do:.....

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ: Có □ Không □

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày ..... tháng ..... năm 20 .....
NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký và ghi rõ họ, tên)

MẪU GIẤY PHÉP LÁI XE

Mẫu Giấy phép lái xe thực hiện từ ngày Thông tư này có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025

1. Hình thức giấy phép lái xe

Mặt trước:

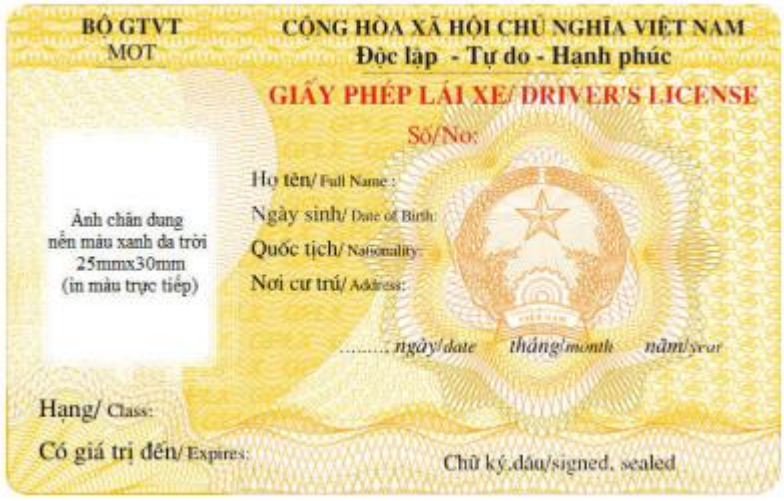

Mặt sau:

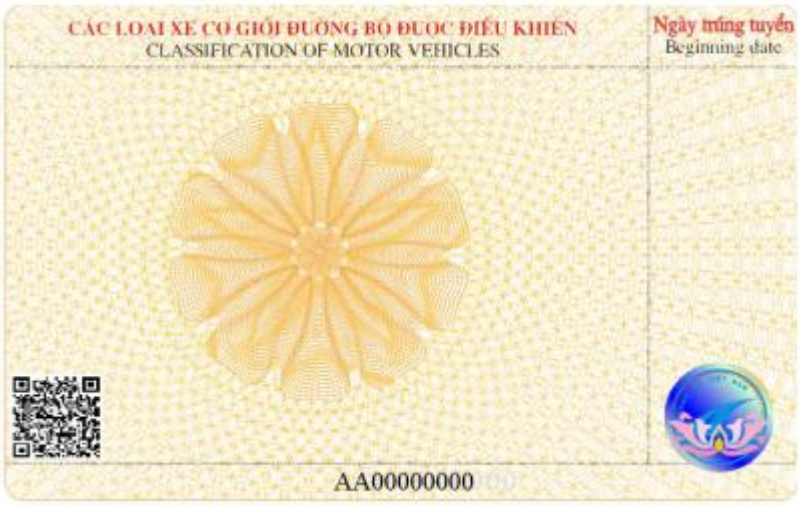

2. Quy cách giấy phép lái xe

a) Kích thước: 85,6 x 53,98 x 0,76 mm (theo Tiêu chuẩn ICAO loại ID-1).

b) Tiêu đề "GIẤY PHÉP LÁI XE/ DRIVER'S LICENSE", "CÁC LOẠI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ ĐƯỢC ĐIỀU KHIỂN", chữ "Số/No." và " Ngày trúng tuyển" có màu đỏ, các chữ khác in màu đen.

c) Ảnh của người lái xe chụp trên nền mầu xanh da trời được in trực tiếp trên giấy phép lái xe.

d) Có lớp màng phủ bảo an trên hai mặt của giấy phép lái xe.

đ) Phôi được làm bằng vật liệu PET. hoặc vật liệu có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương, có hoa văn màu vàng rơm và các ký hiệu bảo mật.

e) Có mã hai chiều (QR) để đọc, giải mã nhanh thông tin trên Giấy phép lái xe và liên kết với hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Cục Đường bộ Việt Nam.

3. Cách in giấy phép lái xe

In từng hạng giấy phép lái xe mà người lái xe được phép điều khiển (hiển thị bằng tiếng Việt và tiếng Anh).

Mẫu Giấy phép lái xe thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2026

1. Hình thức giấy phép lái xe

Mặt trước:

Mặt sau:

2. Quy cách giấy phép lái xe

Giấy phép lái xe là một tài liệu (in bằng tiếng Việt và tiếng Anh) bao gồm các thông tin như:

a) Phôi giấy phép lái xe được làm bằng vật liệu PET. hoặc vật liệu có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương, có hoa văn màu hồng và các ký hiệu bảo mật, có kích thước 85,6 x 53,98 x 0,76 mm (theo Tiêu chuẩn ICAO loại ID-1);

b) Trên mặt trước của giấy phép lái xe có dòng chữ "GIẤY PHÉP LÁI XE/ DRIVER'S LICENSE", "CÁC LOẠI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ ĐƯỢC ĐIỀU KHIỂN", chữ "Số/No." và " Ngày trúng tuyển" có màu đen, được in đậm, các chữ khác màu đen, in thường;

c) Ảnh của người lái xe chụp trên nền mầu xanh da trời được in trực tiếp trên giấy phép lái xe;

d) Có lớp màng phủ bảo an trên hai mặt của giấy phép lái xe;

đ) Có mã hai chiều (QR) để đọc, giải mã nhanh thông tin trên Giấy phép lái xe và liên kết với hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Cục Đường bộ Việt Nam;

e) Mặt trước của giấy phép lái xe được đánh số, mỗi số hiển thị những thông tin sau:

1. Họ của người lái xe

2. Tên của người lái xe

3. Ngày tháng năm sinh và quốc gia nơi sinh của người lái xe

4a . Ngày cấp giấy phép lái xe

4b . Ngày hết hạn giấy phép lái xe

4c . Cơ quan cấp giấy phép lái xe

5. Số giấy phép lái xe

6. Ảnh chân dung (không đánh số)

7. Chữ ký của người lái xe

8. Địa chỉ cư trú của người lái xe

9. Các hạng giấy phép lái xe được phép lái được quy định tại mục 1 Mẫu số 03 Phụ lục này.

g) Mặt sau của giấy phép lái xe được đánh số, gồm bốn cột, mỗi cột được đánh số, hiển thị những thông tin sau:

1. Cột 9 hiển thị các loại xe (hạng xe) được phép điều khiển

2. Cột 10 hiển thị ngày cấp giấy phép lái xe

3. Cột 11 hiển thị ngày hết hạn của giấy phép lái xe

4. Cột 12 hiển thị các mã số giấy phép lái xe, được quy định tại mục 3 Mẫu số 02 Phụ lục này.

3. Cách in giấy phép lái xe

In từng hạng giấy phép lái xe mà người lái xe được phép điều khiển (hiển thị bằng tiếng Việt và tiếng Anh).

6. Quy trình Đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp sang giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp (QT-06)

1	**MỤC ĐÍCH** Quy định trình tự và cách thức thủ tục Đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp sang giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp		
2	**PHẠM VI** Áp dụng đối với cá nhân có nhu cầu Đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp sang giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp. Cán bộ, công chức thuộc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.		
3	**NỘI DUNG QUY TRÌNH**		
3.1	**Cơ sở pháp lý**		
	1. Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; đào tạo, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ; 2. Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng; 3. Quyết định số 1503/QĐ-BGTVT ngày 09/12/2024 của Bộ GTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT. 4. Quyết định số 6806/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND thành phố Hà Nội v/v công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung,thay thế lĩnh vực đường bộ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Sở Giao thông vận tải; thủ tục hành chính thực hiện theo phương án ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội.		
3.2	**Thành phần hồ sơ**	**Bản chính**	**Bản sao**
	**** Hồ sơ đổi Giấy phép lái xe mô tô do ngành Công an cấp trước ngày 01 tháng 8 năm 1995:***		
	+ Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe theo mẫu quy định;	X	
	**** Hồ sơ đổi Giấy phép lái xe do ngành Công an cấp từ ngày 01 tháng 8 năm 1995:***		

	+ Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe theo mẫu quy định;	X	
	+ Bản sao giấy phép lái xe; bản sao Quyết định ra khỏi ngành hoặc nghỉ hưu của cấp có thẩm quyền hoặc bản sao Quyết định của cấp có thẩm quyền về việc thôi không tiếp tục phục vụ trong lực lượng Công an xã hoặc bản sao Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động và quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động từ 12 tháng trở lên của các đơn vị trong Công an nhân dân;		X
	+ Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh cấp còn hiệu lực;	X	
	**** Hồ sơ đổi Giấy phép lái xe do ngành Công an cấp cho học viên hệ dân sự các trường Công an nhân dân trước ngày 31 tháng 7 năm 2020:***		
	+ Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe theo mẫu quy định;	X	
	+ Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh cấp còn hiệu lực;	X	
	+ Bản sao hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc của Quyết định công nhận tốt nghiệp của các Trường, Học viện trong Công an nhân dân;		X
	+ Hồ sơ gốc do ngành Công an cấp, gồm: đơn đề nghị sát hạch, cấp, đổi giấy phép lái xe có xác nhận của thủ trưởng đơn vị nơi công tác; giấy chứng nhận sức khỏe của người lái xe; chứng chỉ tốt nghiệp chương trình đào tạo lái xe; biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe.	X	
3.3	**Số lượng hồ sơ**		
	01 bộ		
3.4	**Thời gian xử lý**		

	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định (bao gồm xác thực tài khoản định danh điện tử qua hệ thống định danh và xác thực điện tử)			
3.5	**Nơi tiếp nhận và trả kết quả**			
	Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Sở Giao thông vận tải Hà Nội hoặc nộp hồ sơ trực tuyến			
3.6	**Phí, lệ phí**			
	Lệ phí cấp giấy phép lái xe: 135.000 đồng/lần.			
3.7	**Quy trình xử lý công việc**			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	Nộp hồ sơ + Nộp hồ sơ trực tiếp. + Hoặc đăng ký gửi hồ sơ dịch vụ công trực tuyến. Phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp Giấy phép lái xe khi được tiếp nhận hồ sơ theo quy định.	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 5.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ, chụp ảnh trực tiếp và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày. (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến, chụp ảnh trực tiếp khi công dân đến lấy kết quả theo lịch hẹn).	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 01, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Chuyển hồ sơ cho Phòng Quản lý phương tiện và người lái	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Sở GTVT	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP

B5	Tra cứu, xác minh Giấy phép lái xe, thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở GTVT	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B6	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký số (có thể ủy quyền cho Lãnh đạo Phòng phê duyệt trên hệ thống phần mềm để đảm bảo tiến độ thời gian);	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở GTVT	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Tờ trình
B7	In: Giấy phép lái xe.	Chuyên viên - Sở GTVT	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục XXIV, Thông tư 35/2024/TT-BGTVT
B8	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở GTVT	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục XXIV, Thông tư 35/2024/TT-BGTVT
B9	Trả kết quả cho cá nhân. (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến trả kết quả sau khi chụp ảnh trực tiếp, đối chiếu hồ sơ gốc (sau 02 giờ làm việc)).	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục XXIV, Thông tư 35/2024/TT-BGTVT
B10	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	**Biểu mẫu**			

	1. Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe 2. Giấy phép lái xe 3. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải……..

Tôi là:.....

Ngày tháng năm sinh: .....

Số Căn cước công dân hoặc căn cước: .....

hoặc Hộ chiếu số..... ngày cấp..... nơi cấp: .....

Đã học lái xe tại:.....năm.....

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng:.....số:..... do:..... cấp ngày…...../…...../.....

Đề nghị cho tôi được đổi (cấp lại) giấy phép lái xe hạng:.....

Lý do:.....

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ: Có □ Không □

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày ..... tháng ..... năm 20 .....
NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký và ghi rõ họ, tên)

MẪU GIẤY PHÉP LÁI XE

Mẫu Giấy phép lái xe thực hiện từ ngày Thông tư này có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025

1. Hình thức giấy phép lái xe

Mặt trước:

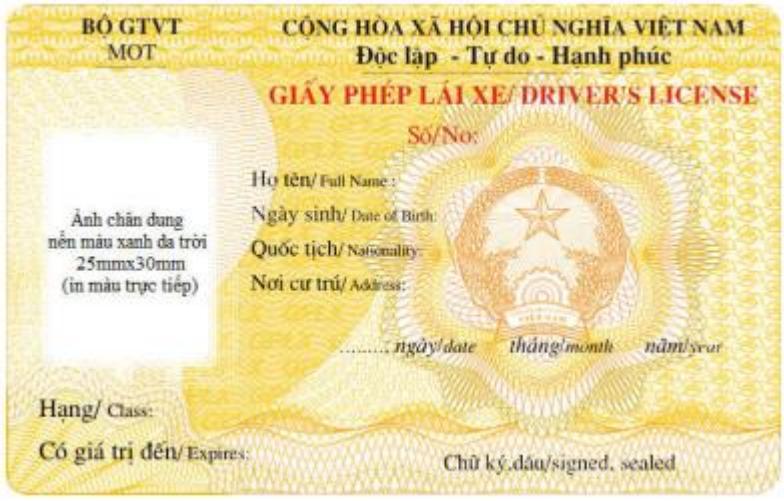

Mặt sau:

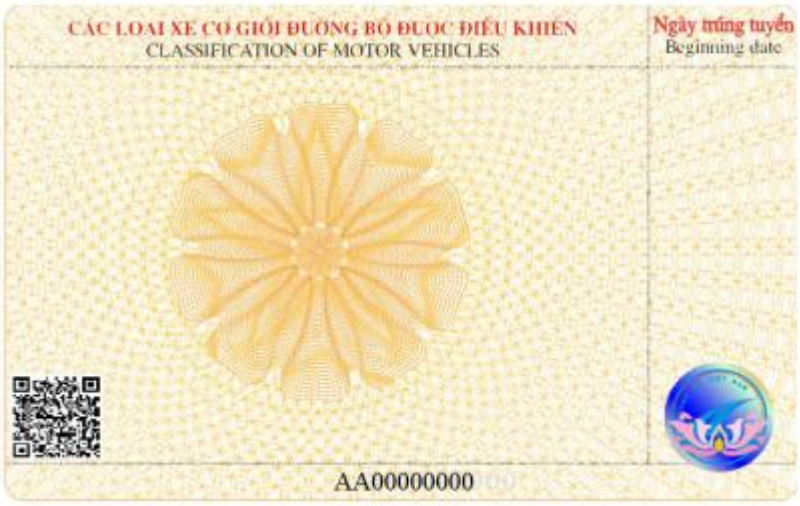

2. Quy cách giấy phép lái xe

a) Kích thước: 85,6 x 53,98 x 0,76 mm (theo Tiêu chuẩn ICAO loại ID-1).

b) Tiêu đề "GIẤY PHÉP LÁI XE/ DRIVER'S LICENSE", "CÁC LOẠI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ ĐƯỢC ĐIỀU KHIỂN", chữ "Số/No." và " Ngày trúng tuyển" có màu đỏ, các chữ khác in màu đen.

c) Ảnh của người lái xe chụp trên nền mầu xanh da trời được in trực tiếp trên giấy phép lái xe.

d) Có lớp màng phủ bảo an trên hai mặt của giấy phép lái xe.

đ) Phôi được làm bằng vật liệu PET. hoặc vật liệu có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương, có hoa văn màu vàng rơm và các ký hiệu bảo mật.

e) Có mã hai chiều (QR) để đọc, giải mã nhanh thông tin trên Giấy phép lái xe và liên kết với hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Cục Đường bộ Việt Nam.

3. Cách in giấy phép lái xe

In từng hạng giấy phép lái xe mà người lái xe được phép điều khiển (hiển thị bằng tiếng Việt và tiếng Anh).

Mẫu Giấy phép lái xe thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2026

1. Hình thức giấy phép lái xe

Mặt trước:

Mặt sau:

2. Quy cách giấy phép lái xe

Giấy phép lái xe là một tài liệu (in bằng tiếng Việt và tiếng Anh) bao gồm các thông tin như:

a) Phôi giấy phép lái xe được làm bằng vật liệu PET. hoặc vật liệu có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương, có hoa văn màu hồng và các ký hiệu bảo mật, có kích thước 85,6 x 53,98 x 0,76 mm (theo Tiêu chuẩn ICAO loại ID-1);

b) Trên mặt trước của giấy phép lái xe có dòng chữ "GIẤY PHÉP LÁI XE/ DRIVER'S LICENSE", "CÁC LOẠI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ ĐƯỢC ĐIỀU KHIỂN", chữ "Số/No." và " Ngày trúng tuyển" có màu đen, được in đậm, các chữ khác màu đen, in thường;

c) Ảnh của người lái xe chụp trên nền mầu xanh da trời được in trực tiếp trên giấy phép lái xe;

d) Có lớp màng phủ bảo an trên hai mặt của giấy phép lái xe;

đ) Có mã hai chiều (QR) để đọc, giải mã nhanh thông tin trên Giấy phép lái xe và liên kết với hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Cục Đường bộ Việt Nam;

e) Mặt trước của giấy phép lái xe được đánh số, mỗi số hiển thị những thông tin sau:

1. Họ của người lái xe

2. Tên của người lái xe

3. Ngày tháng năm sinh và quốc gia nơi sinh của người lái xe

4a . Ngày cấp giấy phép lái xe

4b . Ngày hết hạn giấy phép lái xe

4c . Cơ quan cấp giấy phép lái xe

5. Số giấy phép lái xe

6. Ảnh chân dung (không đánh số)

7. Chữ ký của người lái xe

8. Địa chỉ cư trú của người lái xe

9. Các hạng giấy phép lái xe được phép lái được quy định tại mục 1 Mẫu số 03 Phụ lục này.

g) Mặt sau của giấy phép lái xe được đánh số, gồm bốn cột, mỗi cột được đánh số, hiển thị những thông tin sau:

1. Cột 9 hiển thị các loại xe (hạng xe) được phép điều khiển

2. Cột 10 hiển thị ngày cấp giấy phép lái xe

3. Cột 11 hiển thị ngày hết hạn của giấy phép lái xe

4. Cột 12 hiển thị các mã số giấy phép lái xe, được quy định tại mục 3 Mẫu số 02 Phụ lục này.

3. Cách in giấy phép lái xe

In từng hạng giấy phép lái xe mà người lái xe được phép điều khiển (hiển thị bằng tiếng Việt và tiếng Anh).

7. Quy trình Đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài sang giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp (QT-07)

1	**MỤC ĐÍCH** Quy định trình tự và cách thức thủ tục đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài sang giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp.		
2	**PHẠM VI** Áp dụng đối với cá nhân có nhu cầu đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài sang giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp. Cán bộ, công chức thuộc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.		
3	**NỘI DUNG QUY TRÌNH**		
3.1	**Cơ sở pháp lý**		
	1. Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; đào tạo, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ; 2. Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng; 3. Quyết định số 1503/QĐ-BGTVT ngày 09/12/2024 của Bộ GTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT. 4. Quyết định số 6806/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND thành phố Hà Nội v/v công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung,thay thế lĩnh vực đường bộ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Sở Giao thông vận tải; thủ tục hành chính thực hiện theo phương án ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội.		
3.2	**Thành phần hồ sơ**	**Bản chính**	**Bản sao**
	- Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe theo mẫu quy định;	X	
	- Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài ra tiếng Việt được bảo chứng chất lượng dịch thuật của cơ quan Công chứng tại Việt Nam, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài mà người dịch làm việc, đóng dấu giáp lai	X	

	với bản sao giấy phép lái xe;		
	- Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh cấp còn hiệu lực (trừ người nước ngoài đổi giấy phép lái xe theo thời hạn ghi trong thị thực nhập cảnh hoặc thẻ tạm trú);	X	
	- Bản sao hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc của một trong các giấy tờ: thẻ tạm trú, thẻ thường trú hoặc chứng minh thư ngoại giao, chứng minh thư công vụ.		X
3.3	**Số lượng hồ sơ**		
	01 bộ		
3.4	**Thời gian xử lý**		
	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định (bao gồm xác thực tài khoản định danh điện tử qua hệ thống định danh và xác thực điện tử)		
3.5	**Nơi tiếp nhận và trả kết quả**		
	Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Sở Giao thông vận tải Hà Nội hoặc nộp hồ sơ trực tuyến		
3.6	**Phí, lệ phí**		
	Lệ phí cấp giấy phép lái xe: 135.000 đồng/lần.		
3.7	**Quy trình xử lý công việc**		

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	Nộp hồ sơ + Nộp hồ sơ trực tiếp. + Hoặc đăng ký gửi hồ sơ dịch vụ công trực tuyến. Phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp Giấy phép lái xe khi được tiếp nhận hồ sơ theo quy định.	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 5.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ, chụp ảnh trực	Bộ phận một	Giờ hành	Mẫu số 01, Phụ

	tiếp và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày. (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến, chụp ảnh trực tiếp khi công dân đến lấy kết quả theo lịch hẹn).	cửa - Sở GTVT	chính	lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Sở GTVT	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Tra cứu, xác minh Giấy phép lái xe, thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở GTVT	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B6	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký số (có thể ủy quyền cho Lãnh đạo Phòng phê duyệt trên hệ thống phần mềm để đảm bảo tiến độ thời gian);	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở GTVT	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Tờ trình
B7	In: Giấy phép lái xe.	Chuyên viên - Sở GTVT	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục XXIV, Thông tư 35/2024/TT-BGTVT
B8	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở GTVT	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP;

				Phụ lục XXIV, Thông tư 35/2024/TT-BGTVT
B9	Trả kết quả cho cá nhân. (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến trả kết quả sau khi chụp ảnh trực tiếp, đối chiếu hồ sơ gốc (sau 02 giờ làm việc)).	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục XXIV, Thông tư 35/2024/TT-BGTVT
B10	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	**Biểu mẫu**			
	1. Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe 2. Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe cơ giới đường bộ (Dùng cho người nước ngoài) 3. Giấy phép lái xe 4. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018			

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải……..

Tôi là:.....

Ngày tháng năm sinh: .....

Số Căn cước công dân hoặc căn cước: .....

hoặc Hộ chiếu số..... ngày cấp..... nơi cấp: .....

Đã học lái xe tại:.....năm.....

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng:.....số:..... do:..... cấp ngày…...../…...../.....

Đề nghị cho tôi được đổi (cấp lại) giấy phép lái xe hạng:.....

Lý do:.....

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ: Có □ Không □

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày ..... tháng ..... năm 20 .....
NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký và ghi rõ họ, tên)

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE (ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
_____

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence- Freedom - Happiness
_____

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE/APPLICATION FORM FOR EXCHANGE OF DRIVER'S LICENCE

(Dùng cho người nước ngoài) - (For Foreigner only)
Kính gửi (To): Sở Giao thông vận tải...
(Transport Department...)

Tôi là (Full name):.....

Ngày tháng năm sinh (date of birth) .....

Số hộ chiếu (Passport No.) .....cấp ngày (Issuing date): ngày (date): ..... tháng (month)..... năm (year)…..... nơi cấp (Place of issue):.....

Hiện có giấy phép lái xe số (Current Driver,s Licence No.):.....

Cơ quan cấp (Issuing Office):.....

Tại (Place of issue):.....

Cấp ngày (Issuing date): ngày (date):..... tháng (month).....năm (year).....

Lý do xin đổi giấy phép lái xe (Reason of application for new driving licence):…….....

Định cư lâu dài tại Việt Nam/không định cư lâu dài tại Việt Nam (Long time of staying in Viet Nam/Short time of staying in Viet Nam).

Ghi chú (note): Gửi kèm theo đơn (Documents enclosed as follows)

- Bản sao hộ chiếu (phần họ tên và ảnh; trang thị thực nhập cảnh) [Copy of passport (included pages: full name, photograph, valid visa)] (Đối với trường hợp chưa có số định danh cá nhân (In case there is no personal identification No.).

Tôi xin đảm bảo lời khai trên đây là đúng sự thật.

I certify that all the information included in this application and attached documents is correct and true.

....., ngày (date) ..... tháng (month) ..... năm (year).....
NGƯỜI LÀM ĐƠN (APPLICANT)
(Ký và ghi rõ họ, tên)
(Signature and Full name)

MẪU GIẤY PHÉP LÁI XE

Mẫu Giấy phép lái xe thực hiện từ ngày Thông tư này có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025

1. Hình thức giấy phép lái xe

Mặt trước:

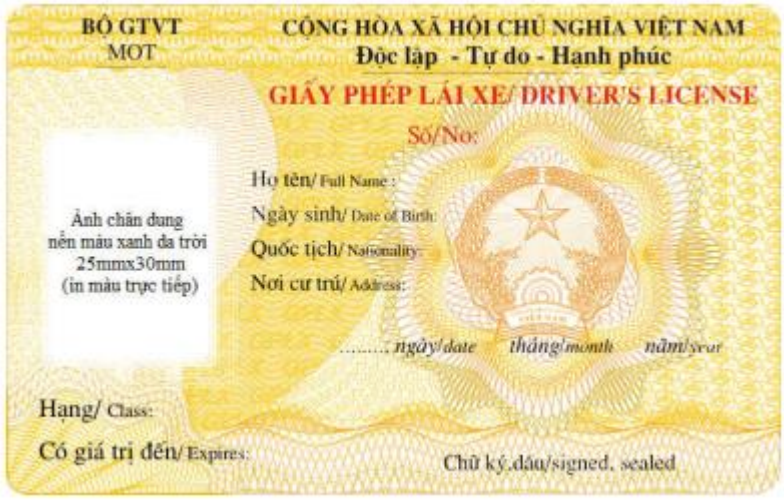

Mặt sau:

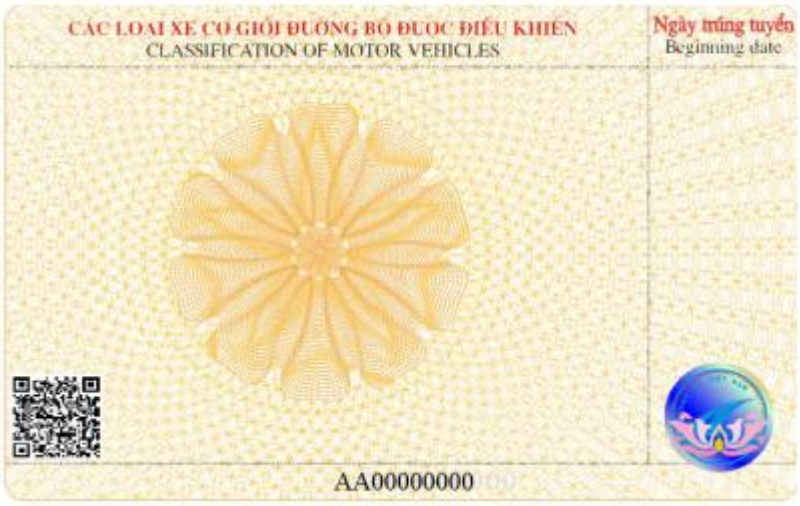

2. Quy cách giấy phép lái xe

a) Kích thước: 85,6 x 53,98 x 0,76 mm (theo Tiêu chuẩn ICAO loại ID-1).

b) Tiêu đề "GIẤY PHÉP LÁI XE/ DRIVER'S LICENSE", "CÁC LOẠI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ ĐƯỢC ĐIỀU KHIỂN", chữ "Số/No." và " Ngày trúng tuyển" có màu đỏ, các chữ khác in màu đen.

c) Ảnh của người lái xe chụp trên nền mầu xanh da trời được in trực tiếp trên giấy phép lái xe.

d) Có lớp màng phủ bảo an trên hai mặt của giấy phép lái xe.

đ) Phôi được làm bằng vật liệu PET. hoặc vật liệu có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương, có hoa văn màu vàng rơm và các ký hiệu bảo mật.

e) Có mã hai chiều (QR) để đọc, giải mã nhanh thông tin trên Giấy phép lái xe và liên kết với hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Cục Đường bộ Việt Nam.

3. Cách in giấy phép lái xe

In từng hạng giấy phép lái xe mà người lái xe được phép điều khiển (hiển thị bằng tiếng Việt và tiếng Anh).

Mẫu Giấy phép lái xe thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2026

1. Hình thức giấy phép lái xe

Mặt trước:

Mặt sau:

2. Quy cách giấy phép lái xe

Giấy phép lái xe là một tài liệu (in bằng tiếng Việt và tiếng Anh) bao gồm các thông tin như:

a) Phôi giấy phép lái xe được làm bằng vật liệu PET. hoặc vật liệu có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương, có hoa văn màu hồng và các ký hiệu bảo mật, có kích thước 85,6 x 53,98 x 0,76 mm (theo Tiêu chuẩn ICAO loại ID-1);

b) Trên mặt trước của giấy phép lái xe có dòng chữ "GIẤY PHÉP LÁI XE/ DRIVER'S LICENSE", "CÁC LOẠI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ ĐƯỢC ĐIỀU KHIỂN", chữ "Số/No." và " Ngày trúng tuyển" có màu đen, được in đậm, các chữ khác màu đen, in thường;

c) Ảnh của người lái xe chụp trên nền mầu xanh da trời được in trực tiếp trên giấy phép lái xe;

d) Có lớp màng phủ bảo an trên hai mặt của giấy phép lái xe;

đ) Có mã hai chiều (QR) để đọc, giải mã nhanh thông tin trên Giấy phép lái xe và liên kết với hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Cục Đường bộ Việt Nam;

e) Mặt trước của giấy phép lái xe được đánh số, mỗi số hiển thị những thông tin sau:

1. Họ của người lái xe

2. Tên của người lái xe

3. Ngày tháng năm sinh và quốc gia nơi sinh của người lái xe

4a . Ngày cấp giấy phép lái xe

4b . Ngày hết hạn giấy phép lái xe

4c . Cơ quan cấp giấy phép lái xe

5. Số giấy phép lái xe

6. Ảnh chân dung (không đánh số)

7. Chữ ký của người lái xe

8. Địa chỉ cư trú của người lái xe

9. Các hạng giấy phép lái xe được phép lái được quy định tại mục 1 Mẫu số 03 Phụ lục này.

g) Mặt sau của giấy phép lái xe được đánh số, gồm bốn cột, mỗi cột được đánh số, hiển thị những thông tin sau:

1. Cột 9 hiển thị các loại xe (hạng xe) được phép điều khiển

2. Cột 10 hiển thị ngày cấp giấy phép lái xe

3. Cột 11 hiển thị ngày hết hạn của giấy phép lái xe

4. Cột 12 hiển thị các mã số giấy phép lái xe, được quy định tại mục 3 Mẫu số 02 Phụ lục này.

3. Cách in giấy phép lái xe

In từng hạng giấy phép lái xe mà người lái xe được phép điều khiển (hiển thị bằng tiếng Việt và tiếng Anh).

8. Quy trình Cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ (QT-08)

1	**MỤC ĐÍCH** Quy định trình tự và cách thức thủ tục đổi, cấp lại chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ.		
2	**PHẠM VI** Áp dụng đối với cá nhân có nhu cầu đổi, cấp lại chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ. Cán bộ, công chức thuộc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.		
3	**NỘI DUNG QUY TRÌNH**		
3.1	**Cơ sở pháp lý**		
	1. Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; đào tạo, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ; 2. Thông tư liên tịch số 72/2011/TTLT-BTC-BGTVT ngày 27/5/2011 của Bộ Tài chính - Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đào tạo lái xe cơ giới đường bộ; 3. Quyết định số 1503/QĐ-BGTVT ngày 09/12/2024 của Bộ GTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT. 4. Quyết định số 6806/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND thành phố Hà Nội v/v công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung,thay thế lĩnh vực đường bộ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Sở Giao thông vận tải; thủ tục hành chính thực hiện theo phương án ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội.		
3.2	**Thành phần hồ sơ**	**Bản chính**	**Bản sao**
	- Đơn đề nghị cấp lại Chứng chỉ theo mẫu quy định;	X	
	- 03 ảnh màu kích thước 2x3 cm chụp không quá 06 tháng (đối với trường hợp Chứng chỉ bị hỏng hoặc có sự sai lệch về thông tin).	X	
3.3	**Số lượng hồ sơ**		

	01 bộ			
3.4	**Thời gian xử lý**			
	2,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
3.5	**Nơi tiếp nhận và trả kết quả**			
	Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Sở Giao thông vận tải Hà Nội hoặc nộp hồ sơ trực tuyến			
5.6	**Phí, lệ phí**			
	Theo quy định tại Thông tư liên tịch số 72/2011/TTLT-BTC-BGTVT ngày 27/5/2011 của Bộ Tài chính - Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đào tạo lái xe cơ giới đường bộ.			
3.7	**Quy trình xử lý công việc**			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	Nộp hồ sơ (trực tiếp hoặc trực tuyến)	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 5.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày.	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 01, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Sở GTVT	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Tra cứu, xác minh, thẩm định hồ sơ, in Chứng chỉ.	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở GTVT	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục 7 Thông tư 06/2011/TT-BGTVT.

B6	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký chứng chỉ; Hoàn thiện kết quả (đóng dấu vào chứng chỉ)	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở GTVT	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục XXXIV, Thông tư 35/2024/TT-BGTVT
B7	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở GTVT	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục 7 Thông tư 06/2011/TT-BGTVT.
B8	Trả kết quả cho cá nhân	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục 7 Thông tư 06/2011/TT-BGTVT.
B9	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	**Biểu mẫu**			
	1. Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ 2. Chứng chỉ 3. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018			

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI CHỨNG CHỈ
BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Ảnh 2x3 cm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI CHỨNG CHỈ
BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Kính gửi: ……(1)…….

Tôi là:.....

Ngày tháng năm sinh: .....

Số Căn cước công dân hoặc căn cước: .....

hoặc Hộ chiếu số…… ngày cấp……. nơi cấp: .....

Hiện tôi đã có Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ do cơ sở đào tạo ……. cấp.

Số Chứng chỉ: …… cấp ngày …… tháng …… năm ……....

Lý do xin cấp lại: .....

Đề nghị ……(1)…… cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ để điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ.

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

……, ngày ..... tháng .... năm 20……
NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

Sở Giao thông vận tải...../ Cơ sở đào tạo.....

MẪU CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG
KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG
KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

1. Hình thức

Mặt trước:

BỘ GTVT **------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**

XXXXXX/MT (1)
CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC
PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Ảnh 2x3 cm	Họ và tên …… Ngày sinh …… Nơi cư trú ……

Không thời hạn

…, ngày … tháng … năm 20 …
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU
CƠ SỞ ĐÀO TẠO
(Ký tên, đóng dấu)

Mặt sau:

NGƯỜI ĐIỀU CẦN CHÚ Ý

1. Phải xuất trình Chứng chỉ để kiểm tra khi người làm nhiệm vụ trật tự an toàn giao thông yêu cầu.
2. Nghiêm cấm hành vi tẩy xóa Chứng chỉ.
3. Trường hợp mất, hỏng phải làm thủ tục cấp đổi, cấp lại tại nơi cấp Chứng chỉ lần đầu hoặc Sở Giao thông vận tải.

2. Quy cách

a) Kích thước: Chiều dài: 86 mm; Chiều rộng: 54 mm.

b) Màu sắc: Nền màu vàng nhạt; vỏ viền đỏ xung quanh rộng 1mm và cách mép ngoài của giấy chứng nhận là 1 mm.

c) Bảo mật chống làm giả: Loại giấy tốt, có hoa văn chống làm giả,

3. Cách ghi

3.1. Tại vị trí (1): Số cấp Chứng chỉ gồm 6 chữ số tự nhiên từ nhỏ đến lớn. Hai ký tự cuối MT là mã số cấp đăng ký quy định cho các tỉnh, thành phố tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về cấp, thu hồi đăng ký, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng.

3.2. In Chứng chỉ dùng phông chữ Times New roman, màu của chữ và số là màu đen; họ và tên người được cấp Chứng chỉ kiểu chữ in đậm màu đen.

3.3. Dấu đóng trên Chứng chỉ có hai dấu: Dấu thu nhỏ loại dấu nổi đóng giáp lai với ảnh của người được cấp Chứng chỉ và dấu mực đỏ đóng vào vị trí người ký cấp Chứng chỉ.

9. Quy trình Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ (QT-09)

1	**Mục đích:** Quy trình này ban hành nhằm quy định trình tự giải quyết thủ tục hành chính nâng cao hiệu quả làm việc của công chức thuộc phòng chuyên môn, phân định rõ thời gian, trách nhiệm của các bộ phận, cá nhân trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính: Cấp giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ; Cấp giấy phép lưu hành xe bánh xích tự hành trên đường bộ
2	**Phạm vi:** - Áp dụng đối với các tổ chức/cá nhân có nhu cầu đề nghị Cấp giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ; Cấp giấy phép lưu hành xe bánh xích tự hành trên đường bộ trên đường bộ; - Cán bộ, công chức Sở GTVT Hà Nội tham gia thực hiện thủ tục hành chính Cấp giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ; Cấp giấy phép lưu hành xe bánh xích tự hành trên đường bộ, chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.
3	**Nội dung quy trình**
3.1	**Cơ sở pháp lý**
	- Căn cứ Luật đường bộ số 35/2024/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2024; - Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2024; - Thông tư số 39/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích trên đường bộ; hàng siêu trường, siêu trọng, vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; xếp hàng hoá trên phương tiện giao thoogn đường bộ; cấp giấy phép lưu hành cho xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ. - Căn cứ Thông tư số 53/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng11 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về phân loại phương tiện giao thông đường bộ và dấu hiệu nhận biết xe cơ giới sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện với môi trường; - Căn cứ Thông tư số 38/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông trên đường bộ. - Quyết định số 1501/QĐ-BGTVT ngày 09/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải. - Quyết định số 6806/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND thành phố Hà Nội v/v công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung,thay thế lĩnh vực đường bộ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Sở Giao thông vận tải; thủ tục hành chính thực hiện theo phương án ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội.

3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
1	- Đơn đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ; - Đơn đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe bánh xích tự hành trên đường bộ;	x	
2	- Bản sao chứng nhận đăng ký xe hoặc đăng ký tạm thời (đối với Xe cơ giới, xe máy chuyên dùng được cấp biển số xe và đăng ký tạm thời);		x
3	- Bản sao giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe hoặc bản sao tính năng kỹ thuật của xe do nhà sản xuất gửi kèm theo xe (đối với xe đăng ký tạm thời);		x
4	- Phương án vận chuyển gồm các nội dung sau: thông tin về tuyến đường vận chuyển (ghi đầy đủ, cụ thể nơi đi, nơi đến, tên từng đoạn tuyến đường bộ, các vị trí chuyển hướng); thông tin về phương tiện vận chuyển; thông tin hàng hóa chuyên chở có xác nhận của người thuê vận tải, gồm các thông số kích thước về chiều dài, chiều rộng và chiều cao (D x R x C) mét, khối lượng; trích hợp đồng vận chuyển hoặc văn bản chỉ định đơn vị vận tải của người thuê vận tải; báo cáo kết quả khảo sát; đề nghị của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền (đối với trường hợp các xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng khi lưu hành phải thực hiện các điều kiện bắt buộc như đi theo làn quy định, có người, phương tiện hỗ trợ lái xe, cảnh báo cho người, phương tiện tham gia giao thông đường bộ khác hoặc phải gia cường công trình đường bộ; các xe bánh xích tự di chuyển trên đường bộ);		x
5	- Báo cáo kết quả hoàn thành gia cường công trình đường bộ (đối với trường hợp phải gia cường công trình đường bộ).		x
(*Trường hợp gửi hồ sơ trực tuyến, thành phần hồ sơ là bản chính hoặc bản sao điện tử*			

các thành phần hồ sơ tương ứng theo quy định).				
3.3	**Số lượng hồ sơ**			
	01 bộ			
3.4	**Thời gian xử lý**			
	- 01 (một) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.			
3.5	**Nơi tiếp nhận và trả kết quả**			
	- Nộp hồ sơ tại địa chỉ https://dichvucong.hanoi.gov.vn - Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Sở Giao thông vận tải Hà Nội - Số 2 Phùng Hưng- Phường Văn Quán- Quận Hà Đông- Thành phố Hà Nội - Nộp qua hệ thống bưu chính			
3.6	**Phí, lệ phí**			
	Không			
3.7	**Quy trình xử lý công việc**			
TT	**Trình tự**	**Trách nhiệm**	**Thời gian**	**Biểu mẫu/kết quả**
B1	Nộp hồ sơ - Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa Sở Giao thông vận tải Hà Nội. - Đối với hồ sơ nộp gián tiếp: Qua hệ thống bưu điện hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.hanoi.gov.vn	Tổ chức/cá nhân	- Giờ hành chính (Trường hợp Nộp hồ sơ trực tiếp; Qua dịch vụ bưu chính công ích) - Trong và ngoài giờ hành chính (Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến)	Theo mục 3.2
B2	- Tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra đối chiếu hồ sơ theo quy định: + Tiếp nhận trực tiếp: Nếu đúng quy định thì tiếp nhận và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày, nếu không đúng hướng dẫn tổ chức cá nhân hoàn thiện. + Trường hợp nộp trực tuyến: Nếu đúng quy định thì tiếp nhận; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định chậm nhất 2 ngày làm	- Cán bộ tiếp nhận trả kết quả Bộ phận một cửa. - Cán bộ tiếp nhận Phòng quản	1 giờ	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (văn bản hướng dẫn khi nhận qua bưu điện hồ sơ chưa đầy đủ). - Mẫu số 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP

	việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn. - Chuyển hồ sơ bàn giao cho phòng quản lý hết cấu hạ tầng giao thông.	lý kết cấu hạ tầng giao thông.		
B3	Phân công xử lý hồ sơ	- Lãnh đạo Phòng quản lý kết cấu hạ tầng giao thông.	1 giờ	
B4	Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông thụ lý hồ sơ theo quy định. Kết quả: - Trường hợp hồ sơ chưa đủ, chưa hợp lệ, soạn thảo phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết. Soạn thảo phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ. -Trường hợp hồ sơ hợp lệ: soạn thảo Giấy phép	- Cán bộ thụ lý Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông.	3 giờ	- Mẫu số 02 Thông tư 01/2018/TT-VPCP - Mẫu số 03 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP - Dự thảo Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ hoặc Giấy phép lưu hành xe bánh xích tự hành trên đường bộ - Quy định tại phụ lục III & IV (Thông tư 39/2024/TT-BGTVT)

B5	Trình lãnh đạo phòng duyệt kết quả.	- Cán bộ thụ lý Phòng Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông - Lãnh đạo Phòng Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông	1 giờ	Thông tư 39/2024/TT-BGTVT
B6	Trình ký lãnh đạo Sở	- Cán bộ thụ lý Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông - Lãnh đạo Sở	1 giờ	Thông tư 39/2024/TT-BGTVT
B7	Hoàn thiện kết quả. Trả kết quả về Bộ phận một cửa.	- Cán bộ tiếp nhận trả kết quả Bộ phận một cửa - Cán bộ thụ lý Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông	1 giờ	Thông tư 39/2024/TT-BGTVT
B8	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa – Sở Giao thông vận tải Hà Nội	Giờ hành chính	Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ hoặc Giấy phép lưu hành xe bánh xích tự hành trên đường bộ
B9	Thống kê và theo dõi: Cán bộ tiếp nhận trả kết quả Bộ phận một cửa có trách nhiệm thống kê các thủ tục hành chính thực hiện tại đơn vị vào Sổ thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính.	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Sổ theo dõi hồ sơ

4	**BIỂU MẪU**			
	- Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018. - Đơn đề nghị cấp giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ; Đơn đề nghị cấp giấy phép lưu hành xe bánh xích tự hành trên đường bộ			

Mẫu: Đơn đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHI CẤP GIẤY PHÉP LƯU HÀNH XE QUÁ TẢI TRỌNG, XE QUÁ KHỔ GIỚI HẠN, XE VẬN CHUYỂN HÀNG SIÊU TRƯỜNG, SIÊU TRỌNG TRÊN ĐƯỜNG BỘ

Kính gửi: *……. (tên Cơ quan cấp giấy phép lưu hành xe) …….*

- Cá nhân, tổ chức đề nghị: .....
- Địa chỉ: .....Điện thoại: .....

Đề nghị cấp giấy phép lưu hành cho xe … *(xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng)* … trên đường bộ với các thông số sau:

1. Thông tin tổ hợp xe:		
Thông số kỹ thuật	Xe ô tô hoặc xe ô tô đầu kéo	Rơ moóc (RM)/ Sơ mi rơ moóc (SMRM)
Nhãn hiệu		
Biển số		
Số trục		
Thời hạn kiểm định		
Khối lượng bản thân (kg)		
Khối lượng kéo theo thiết kế (kg)		
Khối lượng kéo theo cho phép tham gia giao thông (kg)		
Khối lượng hàng chuyên chở theo thiết kế (kg)		
Khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông (kg)		
Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (kg)		
Kích thước bao của tổ hợp (dài x rộng x cao) (m)		
2. Thông tin thiết bị chuyên dùng để hỗ trợ phục vụ vận chuyển lắp, đặt trên xe (nếu có):		
Tên (nhãn hiệu) thiết bị: **.....**……..		
Khối lượng bản thân của thiết bị (kg): **.....**……..		
Kích thước bao của thiết bị (dài x rộng x cao) (m): **.....**……		
Tính năng của thiết bị (ghi theo thiết kế của nhà sản xuất): ……		
3. Thông tin hàng hóa đề nghị chuyên chở:		
Loại hàng: ……		

Kích thước (D x R x C) m: .... Tổng khối lượng (tấn):	
4. Thông tin kích thước, khối lượng toàn bộ của tổ hợp xe sau khi xếp hàng hóa lên xe:	
Kích thước (D x R x C) m: ..... ……	
Hàng vượt bên phải thùng xe: ..... m	Hàng vượt phía trước thùng xe: … m
Hàng vượt bên trái thùng xe: .....m	Hàng vượt phía sau thùng xe: ... m
Khối lượng toàn bộ *(gồm: khối lượng bản thân ô tô đầu kéo + khối lượng bản thân RM/SMRM + khối lượng thiết bị chuyên dùng để hỗ trợ phục vụ vận chuyển lắp, đặt trên xe (nếu có) + khối lượng số người ngồi trên xe + khối lượng hàng xếp trên xe):* ……..tấn	
5. Tải trọng lớn nhất được phân bổ lên trục xe sau khi xếp hàng hóa lên xe:	
Trục đơn: … tấn	
Cụm trục kép: .....tấn, khoảng cách giữa 02 tâm trục liền kề: d = …. m	
Cụm trục ba: ..... tấn, khoảng cách giữa 02 tâm trục liền kề: d = …. m	

6. Tuyến đường và thời gian vận chuyển:

- Tuyến đường vận chuyển *(ghi đầy đủ, cụ thể nơi đi, nơi đến, tên từng đoạn tuyến đường bộ, các vị trí chuyển hướng, đi qua đường ngang tại Km...)*: ……

- Thời gian đề nghị lưu hành: từ ngày… tháng ... năm ... đến ngày... tháng... năm...

7. Lý do đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe: ……. *(ghi cụ thể lý do theo nội dung tại khoản 1 Điều 22 của Thông tư số /2024/TT-BGTVT)* ……

8. Cam kết của cá nhân, tổ chức đề nghị *(về: (a) tính chính xác của các thông tin cung cấp trong đơn đề nghị và hồ sơ; (b) tính hợp pháp của phương tiện và hàng hóa tại thời điểm đề nghị cấp giấy phép lưu hành xe; (c) việc chấp hành quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn giao thông và an toàn cho công trình đường bộ; (d) chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra mất an toàn giao thông trong quá trình lưu hành phương tiện được cấp giấy phép lưu hành trên đường bộ và khắc phục hậu quả (nếu có))*……..

.....……

(Đơn đề nghị cấp giấy phép lưu hành xe phải kèm theo sơ đồ xe thể hiện rõ các kích thước: chiều dài, chiều rộng, chiều cao của xe đã xếp hàng và khoảng cách giữa các trục xe, chiều dài đuôi xe)

……, ngày .... tháng ... năm ...
Đại diện cá nhân, tổ chức đề nghị
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú*: đối với tổ hợp phương tiện vận chuyển loại hàng siêu trường, siêu trọng có kích thước, khối lượng lớn, tuyến đường vận chuyển dài, địa hình phức tạp hoặc phải dùng thiết bị chuyên dùng để hỗ trợ, đơn đề nghị có nhiều thông tin thì bổ sung phụ lục kèm theo.*

Mẫu: Đơn đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe bánh xích tự hành trên đường bộ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
_____

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LƯU HÀNH XE BÁNH XÍCH TỰ HÀNH TRÊN ĐƯỜNG BỘ

Kính gửi: .... *(tên Cơ quan cấp giấy phép lưu hành xe)* ....

- Cá nhân, tổ chức đề nghị: .....
- Địa chỉ: ..... Điện thoại: ……
- Đề nghị cấp giấy phép lưu hành cho xe bánh xích tự hành trên đường bộ: ....
- Biển số đăng ký (nếu có): .....
- Khối lượng bản thân xe: ..... (kg)
- Kích thước của xe:

+ Chiều dài: ..... (m)
+ Chiều rộng: ..... (m)
+ Chiều cao: ..... (m)

- Loại xích (nhọn hoặc bằng): .....
- Chiều rộng bánh xích mỗi bên: .....(m)
- Khoảng cách giữa hai mép ngoài của bánh: ..... (m)
- Tuyến đường vận chuyển *(ghi đầy đủ, cụ thể tên từng đoạn tuyến đường bộ, các vị trí chuyển hướng, đi qua đường ngang tại km ...):*
- Thời gian đề nghị lưu hành: từ ngày...tháng...năm... đến ngày... tháng... năm...
- Lý do đề nghị cấp giấy phép lưu hành xe: …... *(ghi cụ thể lý do theo nội dung khoản 1 Điều 22 của Thông tư số ... /2024/TT-BGTVT) ……*
- Cam kết của cá nhân, tổ chức đề nghị *(về: (a) tính chính xác của các thông tin cung cấp trong đơn đề nghị và hồ sơ; (b) tính hợp pháp của phương tiện tại thời điểm đề nghị cấp giấy phép lưu hành xe; (c) việc chấp hành quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn giao thông và an toàn cho công trình đường bộ; (d) chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra mất an toàn giao thông trong quá trình lưu hành phương tiện được cấp giấy phép lưu hành trên đường bộ và khắc phục hậu quả (nếu có)): ……..*

(Đơn đề nghị cấp giấy phép lưu hành xe phải kèm theo sơ đồ xe thể hiện rõ các kích thước: chiều dài, chiều rộng, chiều cao của xe)

……, ngày ... tháng ... năm...
Đại diện cá nhân, tổ chức đề nghị
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

10. Quy trình Chấp thuận thiết kế nút giao đấu nối vào đường quốc lộ đang khai thác (QT-10)

1	**Mục đích:** Quy trình này ban hành nhằm quy định trình tự giải quyết thủ tục hành chính nâng cao hiệu quả làm việc của công chức thuộc phòng chuyên môn, phân định rõ thời gian, trách nhiệm của các bộ phận, cá nhân trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính: "**Chấp thuận thiết kế nút giao đấu nối vào đường quốc lộ đang khai thác**".		
2	**Phạm vi:** - Áp dụng đối với các tổ chức có nhu cầu đề nghị "**Chấp thuận thiết kế nút giao đấu nối vào đường quốc lộ đang khai thác**" do UBND Thành phố Hà Nội giao Sở GTVT Hà Nội quản lý. - Cán bộ, công chức Sở Giao thông vận tải Hà Nội tham gia thực hiện thủ tục hành chính "**Chấp thuận thiết kế nút giao đấu nối vào đường quốc lộ đang khai thác**" chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.		
3	**Nội dung quy trình**		
3.1	**Cơ sở pháp lý**		
	- Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024; - Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải; - Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; - Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; - Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ; - Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND ngày 19/9/2016 Ban hành Quy định phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội. - Quyết định số 1501/QĐ-BGTVT ngày 09/12/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc Công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giai thông vận tải - Quyết định số 6806/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND thành phố Hà Nội v/v công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung,thay thế lĩnh vực đường bộ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Sở Giao thông vận tải; thủ tục hành chính thực hiện theo phương án ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội.		
3.2	**Thành phần hồ sơ**	**Bản chính**	**Bản sao**
1	Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế nút giao đấu nối vào đường quốc lộ đang khai thác.	X	
2	Hồ sơ khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công công trình nút giao đấu nối vào đường quốc lộ đang khai thác, bao gồm: thuyết minh thiết	X	

	kế, bản vẽ thiết kế nút giao đấu nối và bản vẽ hoàn trả kết cấu hạ tầng đường quốc lộ, bản vẽ tổ chức giao thông tại nút giao đấu nối, hồ sơ khảo sát địa hình, địa chất; văn bản/quyết định chấp thuận vị trí đấu nối vào quốc lộ đang khai thác trừ vị trí đấu nối không phải chấp thuận theo quy định tại Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ, Điều 77 Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ		
3	Văn bản giao làm chủ đầu tư dự án xây dựng nút giao đấu nối vào đường quốc lộ đang khai thác.	X	

(*Trường hợp gửi hồ sơ trực tuyến, thành phần hồ sơ là bản chính hoặc bản sao điện tử các thành phần hồ sơ tương ứng theo quy định*).

3.3	**Số lượng hồ sơ**			
	01 bộ			
3.4	**Thời gian xử lý**			
	- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.			
3.5	**Nơi tiếp nhận và trả kết quả**			
	- Nộp hồ sơ tại địa chỉ https://dichvucong.hanoi.gov.vn - Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Sở Giao thông vận tải Hà Nội – Số 02 Phùng Hưng, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. - Nộp qua hệ thống bưu chính.			
3.6	**Phí, lệ phí**			
	Không			
3.7	**Quy trình xử lý công việc**			
TT	**Trình tự**	**Trách nhiệm**	**Thời gian**	**Biểu mẫu/kết quả**
B1	Nộp hồ sơ - Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa Sở Giao thông vận tải Hà Nội. - Đối với hồ sơ nộp gián tiếp: Qua hệ thống bưu điện hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.hanoi.gov.vn	Tổ chức/cá nhân	- Giờ hành chính (Trường hợp Nộp hồ sơ trực tiếp; Qua dịch vụ bưu chính công ích) - Trong và ngoài giờ hành chính (Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến)	Theo mục 3.2
	- Tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra đối chiếu hồ sơ theo quy định:	- Cán bộ tiếp nhận trả kết quả Bộ phận một	0,5 ngày làm việc	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (văn bản

B2	+ Tiếp nhận trực tiếp: Bộ phận một cửa kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đủ thì tiếp nhận và viết phiếu hẹn trả kết quả, nếu không đủ thì hướng dẫn chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ theo quy định. + Đối với hồ sơ nộp gián tiếp: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, bộ phận một cửa kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đủ thì tiếp nhận, nếu không đủ, có văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện. - Chuyển hồ sơ bàn giao cho phòng quản lý hết cấu hạ tầng giao thông.	cửa. - Cán bộ tiếp nhận Phòng quản lý kết cấu hạ tầng giao thông.		hướng dẫn khi nhận qua bưu điện hồ sơ chưa đầy đủ). - Mẫu số 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Phân công xử lý hồ sơ	- Lãnh đạo Phòng quản lý kết cấu hạ tầng giao thông.	0,5 ngày làm việc	- Mẫu số 01, 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	- Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông thụ lý hồ sơ theo quy định. Kết quả: Kiểm tra hồ sơ, (thực tế nếu cần, trường hợp phức tạp cần thiết phải họp lấy ý kiến liên ngành …) Soạn thảo văn bản chấp thuận thiết kế nút giao đấu nối vào đường quốc lộ đang khai thác, trường hợp không chấp thuận thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.	Cán bộ thụ lý Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông.	4,5 ngày làm việc	- Mẫu số 02, 03 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP - Văn bản: văn bản chấp thuận thiết kế nút giao đấu nối vào đường quốc lộ đang khai thác, trường hợp không chấp thuận thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

B5	Trình lãnh đạo phòng duyệt kết quả.	- Cán bộ thụ lý Phòng Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông - Lãnh đạo Phòng Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông	0,5 ngày làm việc	- Mẫu số 02, 03 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 - Văn bản: văn bản chấp thuận thiết kế nút giao đấu nối vào đường quốc lộ đang khai thác, trường hợp không chấp thuận thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.
B6	Trình ký lãnh đạo Sở	- Cán bộ thụ lý Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông - Lãnh đạo Sở	0,5 ngày làm việc	- Mẫu số 02, 03 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 - Văn bản: văn bản chấp thuận thiết kế nút giao đấu nối vào đường quốc lộ đang khai thác, trường hợp không chấp thuận thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.
B7	Hoàn thiện kết quả. Trả kết quả về Bộ phận một cửa.	- Cán bộ tiếp nhận trả kết quả Bộ phận một cửa - Cán bộ thụ lý Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông	0,5 ngày làm việc	- Mẫu số 02, 03 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 - Văn bản: văn bản chấp thuận thiết kế nút giao đấu nối vào đường quốc lộ đang khai thác, trường hợp không chấp thuận thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.
B8	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.	Bộ phận một cửa – Sở Giao	Giờ hành chính	- Mẫu số 02, 03 theo Thông tư

	- Tổ chức, cá nhân nộp lại 01 bộ hồ sơ theo quy định tại mục 2.3 phần II Quyết định 1501/QĐ-BGTVT ngày 09/12/2024 của Bộ Giao thông vận tải khi nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho cán bộ Một cửa.	thông vận tải Hà Nội		01/2018/TT-VPCP - Văn bản: văn bản chấp thuận thiết kế nút giao đấu nối vào đường quốc lộ đang khai thác, trường hợp không chấp thuận thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.
B9	Thống kê và theo dõi: Cán bộ tiếp nhận trả kết quả Bộ phận một cửa có trách nhiệm thống kê các thủ tục hành chính thực hiện tại đơn vị vào Sổ thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính.	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 01, 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ; Sổ theo dõi hồ sơ.
4	**BIỂU MẪU**			
	- Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018. - Văn bản chấp thuận thiết kế nút giao đấu nối vào đường quốc lộ đang khai thác - Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế nút giao đấu nối vào đường quốc lộ đang khai thác.			

Mẫu: Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế nút giao đấu nối vào đường quốc lộ đang khai thác

(1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
(2)	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
-------	----------
Số: ……/……	……, ngày …… tháng …… năm 202…

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THIẾT KẾ NÚT GIAO ĐẤU NỐI VÀO ĐƯỜNG QUỐC LỘ ĐANG KHAI THÁC

Về việc đề nghị chấp thuận thiết kế nút giao đấu nối vào … (ghi bên trái/hoặc bên phải tuyến Km … (ghi lý trình) của tuyến đường …. … (ghi tên, số hiệu đường bộ)

Kính gửi: …… (Ghi tên cơ quan có thẩm quyền chấp thuận thiết kế nút giao vào quốc lộ đang khai thác)

Căn cứ Luật Đường bộ năm 2024;

Căn cứ Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ;

Căn cứ … (ghi các văn bản/quyết định phê duyệt vị trí nút giao đấu nối trừ vị trí đấu nối không phải chấp thuận theo quy định tại Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ, Điều 77 Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ; dự án đầu tư xây dựng có nút giao đấu nối, văn bản giao chủ đầu tư xây dựng nút giao đấu nối);

Căn cứ hồ sơ thiết kế … (ghi tên công trình nút giao đấu nối) kèm theo tài liệu quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 3 của Thông tư, do (3)…. (ghi tên tổ chức tư vấn lập, trường hợp thiết kế đã được thẩm định và phê duyệt thì ghi rõ số quyết định duyệt, cơ quan đã phê duyệt);

(2)… (ghi cơ quan đề nghị) đề nghị chấp thuận thiết kế của nút giao đấu nối vào … (ghi bên trái/hoặc bên phải tuyến Km … (ghi lý trình) của tuyến đường …. … (ghi tên, số hiệu đường bộ) … do tổ chức tư vấn …. lập (trường hợp thiết kế đã được thẩm định và phê duyệt thì ghi rõ số quyết định duyệt, cơ quan đã phê duyệt) và được gửi kèm theo văn bản đề nghị này.

(2)... (ghi tên đơn vị ký đơn) cam kết thực hiện đúng văn bản chấp thuận thiết kế nút giao đấu nối, sửa đổi, bổ sung đầy đủ báo hiệu đường bộ và công trình an toàn giao thông tại nút giao đấu nối; thực hiện các thủ tục cấp giấy phép thi công nút giao đấu nối trước khi tổ chức thi công nút giao đấu nối, thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông, an toàn xây dựng khi thi công nút giao đấu nối, bảo vệ môi trường; không yêu cầu bồi thường, hoàn trả đúng yêu cầu kỹ thuật đối với các hạng mục kết cấu hạ tầng đường bộ bị ảnh hưởng do thi công nút giao đấu nối, đồng thời khắc phục các tồn tại nếu quá trình khai thác sử dụng nút giao xuất hiện điểm hay xảy ra tai nạn giao thông, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông và đóng vị trí nút giao đấu nối theo quy định của pháp luật khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền)

Địa chỉ liên hệ: ……..

Số điện thoại: …….

(2)

Nơi nhận:
- Như trên;
- …….;
- Lưu VT.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn nội dung ghi

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của tổ chức đề nghị (nếu có);

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đề nghị chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đấu nối vào đường quốc lộ đang khai thác (do chủ đầu tư đứng đơn);

(3) Tên tổ chức tư vấn.

Mẫu: Văn bản chấp thuận thiết kế nút giao đấu nối vào đường quốc lộ đang khai thác

(1) (2) -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: ……/…… Về việc chấp thuận thiết kế nút giao đấu nối vào … (ghi bên trái/hoặc bên phải tuyến Km … (ghi lý trình) đường quốc lộ…. ghi tên, số hiệu đường bộ)	……, ngày …… tháng …… năm 20…

Kính gửi: - …… (ghi tên đơn vị đề nghị chấp thuận nút giao đấu nối);

- …. (ghi tên cơ quan cấp phép thi công nút giao đấu nối trong trường hợp cơ quan cấp phép nút giao đấu nối khác cơ quan chấp thuận thiết kế nút giao đấu nối).

Căn cứ Luật Đường bộ năm 2024;

Căn cứ Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ;

Căn cứ … (ghi các văn bản/quyết định phê duyệt vị trí nút giao đấu nối trừ vị trí đấu nối không phải chấp thuận theo quy định tại Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ, Điều 77 Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ; dự án đầu tư xây dựng có nút giao đấu nối, văn bản giao chủ đầu tư xây dựng nút giao đấu nối);

Sau khi xem xét thiết kế của nút giao đấu nối vào … (ghi bên trái/hoặc bên phải tuyến Km … (ghi lý trình) của tuyến đường …. … (ghi tên, số hiệu đường bộ)… . ….. (ghi cơ quan chấp thuận) chấp thuận nút giao đấu nối với các nội dung sau:

1. Chấp thuận thiết kế nút giao đấu nối vào … (ghi bên trái/hoặc bên phải tuyến Km … (ghi lý trình) của đường quốc lộ …. … (ghi tên, số hiệu đường bộ) kèm theo các yêu cầu khác tại các mục a), b), c)… văn bản này;

2. Các yêu cầu khác đối với tổ chức, cá nhân được chấp thuận thiết kế nút giao đấu nối tại mục 1 văn bản này như sau:

a) ..

b) …

c) …

(Phần ghi các yêu cầu: sửa đổi bổ sung thiết kế nút giao đấu nối, sửa đổi, bổ sung đầy đủ báo hiệu đường bộ và công trình an toàn giao thông tại nút giao đấu nối; thực hiện các thủ tục cấp giấy phép thi công nút giao đấu nối trước khi tổ chức thi công nút giao đấu nối, thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông, an toàn xây dựng khi thi công nút giao đấu nối, bảo vệ môi trường và không yêu cầu bồi thường, hoàn trả đúng yêu cầu kỹ thuật đối với các hạng mục kết cấu hạ tầng đường bộ bị ảnh hưởng do thi công nút giao đấu nối, đồng thời khắc phục các tồn tại nếu quá trình khai thác sử dụng nút giao xuất hiện điểm hay xảy ra tai nạn giao thông, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông và đóng vị trí nút giao đấu nối theo quy định của pháp luật khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền).

3. Văn bản chấp thuận thiết kế nút giao đấu nối có thời hạn 18 tháng, hết thời hạn nêu trên mà chủ đầu tư chưa gửi hồ sơ đề nghị cấp phép thi công nút giao đấu nối vào quốc lộ đang khai

thác hoặc có thay đổi về quy mô nút giao đấu nối thì phải thực hiện lại từ đầu thủ tục chấp thuận thiết kế nút giao.

	(2) **QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)
Nơi nhận: - Như trên; - Khu QLĐB/Sở GTVT… - ……; - Lưu …	

Hướng dẫn nội dung ghi

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của cơ quan chấp thuận thiết kế nút giao đấu nối.

(2) Tên cơ quan chấp thuận thiết kế nút giao đấu nối.

11. Quy trình Cấp phép thi công nút giao đấu nối vào đường quốc lộ đang khai thác (QT-11)

1	**Mục đích:** Quy trình này ban hành nhằm quy định trình tự giải quyết thủ tục hành chính nâng cao hiệu quả làm việc của công chức thuộc phòng chuyên môn, phân định rõ thời gian, trách nhiệm của các bộ phận, cá nhân trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính: "**Cấp phép thi công nút giao đấu nối vào đường quốc lộ đang khai thác".**
2	**Phạm vi:** - Áp dụng đối với các tổ chức có nhu cầu đề nghị "**Cấp phép thi công nút giao đấu nối vào đường quốc lộ đang khai thác**" do UBND Thành phố Hà Nội giao Sở GTVT Hà Nội quản lý. - Cán bộ, công chức Sở Giao thông vận tải Hà Nội tham gia thực hiện thủ tục hành chính "**Cấp phép thi công nút giao đấu nối vào đường quốc lộ đang khai thác**" chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.
3	**Nội dung quy trình**
3.1	**Cơ sở pháp lý**
	- Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024; - Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải; - Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; - Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; - Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ;

	- Quyết định số 1501/QĐ-BGTVT ngày 09/12/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc Công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giai thông vận tải - Quyết định số 6806/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND thành phố Hà Nội v/v công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung,thay thế lĩnh vực đường bộ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Sở Giao thông vận tải; thủ tục hành chính thực hiện theo phương án ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội.			
3.2	**Thành phần hồ sơ**		**Bản chính**	**Bản sao**
1	Đơn đề nghị Cấp phép thi công nút giao đấu nối vào đường quốc lộ đang khai thác.		x	
2	Thuyết minh và bản vẽ biện pháp tổ chức thi công nút giao đấu nối vào quốc lộ đang khai thác; biện pháp bảo đảm giao thông đường bộ khi thi công xây dựng nút giao đấu nối.			x
(*Trường hợp gửi hồ sơ trực tuyến, thành phần hồ sơ là bản chính hoặc bản sao điện tử các thành phần hồ sơ tương ứng theo quy định*).				
3.3	**Số lượng hồ sơ**			
	01 bộ			
3.4	**Thời gian xử lý**			
	- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.			
3.5	**Nơi tiếp nhận và trả kết quả**			
	- Nộp hồ sơ tại địa chỉ https://dichvucong.hanoi.gov.vn - Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Sở Giao thông vận tải Hà Nội – Số 02 Phùng Hưng, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. - Nộp qua hệ thống bưu chính.			
3.6	**Phí, lệ phí**			
	Không			
3.7	**Quy trình xử lý công việc**			
TT	**Trình tự**	**Trách nhiệm**	**Thời gian**	**Biểu mẫu/kết quả**
B1	Nộp hồ sơ - Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa Sở Giao thông vận tải Hà Nội. - Đối với hồ sơ nộp gián tiếp: Qua hệ thống bưu điện hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.hanoi.gov.vn	Tổ chức/cá nhân	- Giờ hành chính (Trường hợp Nộp hồ sơ trực tiếp; Qua dịch vụ bưu chính công ích) - Trong và ngoài giờ hành chính	Theo mục 3.2

			(Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến)	
B2	- Tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra đối chiếu hồ sơ theo quy định: + Tiếp nhận trực tiếp: Bộ phận một cửa kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đủ thì tiếp nhận và viết phiếu hẹn trả kết quả, nếu không đủ thì hướng dẫn chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ theo quy định. + Đối với hồ sơ nộp gián tiếp: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, bộ phận một cửa kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đủ thì tiếp nhận, nếu không đủ, có văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện. - Chuyển hồ sơ bàn giao cho phòng quản lý hết cấu hạ tầng giao thông.	- Cán bộ tiếp nhận trả kết quả Bộ phận một cửa. - Cán bộ tiếp nhận Phòng quản lý kết cấu hạ tầng giao thông.	0,5 ngày làm việc	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (văn bản hướng dẫn khi nhận qua bưu điện hồ sơ chưa đầy đủ). - Mẫu số 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Phân công xử lý hồ sơ	- Lãnh đạo Phòng quản lý kết cấu hạ tầng giao thông.	0,5 ngày làm việc	- Mẫu số 01, 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	- Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông thụ lý hồ sơ theo quy định. Kết quả: Kiểm tra hồ sơ, (thực tế nếu cần, trường hợp phức tạp cần thiết phải họp lấy ý kiến liên ngành …) Soạn thảo văn bản chấp thuận thiết kế nút giao đấu nối vào	Cán bộ thụ lý Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông.	4,5 ngày	- Mẫu số 02, 03 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP - Văn bản: giấy phép thi công nút giao đấu nối, trường hợp không chấp thuận thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

	đường quốc lộ đang khai thác, trường hợp không chấp thuận thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.		làm việc	
B5	Trình lãnh đạo phòng duyệt kết quả.	- Cán bộ thụ lý Phòng Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông - Lãnh đạo Phòng Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông	0,5 ngày làm việc	- Mẫu số 02, 03 (Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ) - Văn bản: giấy phép thi công nút giao đấu nối, trường hợp không chấp thuận thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.
B6	Trình ký lãnh đạo Sở	- Cán bộ thụ lý Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông - Lãnh đạo Sở	0,5 ngày làm việc	- Mẫu số 02, 03 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP - Văn bản: giấy phép thi công nút giao đấu nối, trường hợp không chấp thuận thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.
B7	Hoàn thiện kết quả. Trả kết quả về Bộ phận một cửa.	- Cán bộ tiếp nhận trả kết quả Bộ phận một cửa - Cán bộ thụ lý Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông	0,5 ngày làm việc	- Mẫu số 02, 03 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP - Văn bản: giấy phép thi công nút giao đấu nối, trường hợp không chấp thuận thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.
B8	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. - Tổ chức, cá nhân nộp	Bộ phận một cửa – Sở Giao thông vận tải Hà	Giờ hành chính	- Mẫu số 02, 03 theo TT 01/2018/TT-VPCP

	lại 01 bộ hồ sơ theo quy định tại mục 3.3 phần II Quyết định 1501/QĐ-BGTVT ngày 09/12/2024 của Bộ Giao thông vận tải khi nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho cán bộ Một cửa.	Nội		- Văn bản: giấy phép thi công nút giao đấu nối, trường hợp không chấp thuận thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.
B9	Thống kê và theo dõi: Cán bộ tiếp nhận trả kết quả Bộ phận một cửa có trách nhiệm thống kê các thủ tục hành chính thực hiện tại đơn vị vào Sổ thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính.	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 01, 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	**BIỂU MẪU**			
	- Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018. - Giấy phép thi công nút giao đấu nối. - Đơn đề nghị cấp phép thi công nút giao đấu nối vào đường quốc lộ đang khai thác			

Mẫu: Đơn đề nghị cấp phép thi công nút giao đấu nối vào đường quốc lộ đang khai thác

(1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
(2)	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
-------	----------
Số: ……/……	……, ngày …… tháng …… năm 20…

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG NÚT GIAO ĐẤU NỐI VÀO…
Về đề nghị cấp phép thi công nút giao đấu nối vào Km AAA Quốc lộ …

Kính gửi: …… (ghi cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thi công nút giao đấu nối)

Căn cứ Luật Đường bộ năm 2024;

Căn cứ Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ;

Căn cứ văn bản … (ghi các văn bản chấp thuận thiết kế nút giao đấu nối của cơ quan….) về việc chấp thuận thiết kế nút giao đấu nối vào … (ghi bên trái/hoặc bên phải tuyến Km … (ghi lý trình) của tuyến đường …. … (ghi tên, số hiệu đường bộ)……..;

(2) đề nghị được cấp phép thi công nút giao đấu nối vào… (ghi bên trái/hoặc bên phải tuyến Km … (ghi lý trình) của tuyến đường …. … (ghi tên, số hiệu đường bộ) trong thời gian thi

công từ ngày ... tháng ... năm ... đến hết ngày ...tháng ... năm ... kèm theo hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này;

(2) thi công công trình nút giao: xin cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi cơ quan quản lý đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình nút giao được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của giấy phép thi công nút giao đấu nối vào đường quốc lộ đang khai thác;

(2) xin cam kết thi công theo đúng hồ sơ thiết kế đã được chấp thuận và đã được phê duyệt; tuân thủ theo quy định của Giấy phép thi công. Nếu thi công không thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, để xảy ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, (2) chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

(2)
Nơi nhận:
- Như trên;
- …….;
- Lưu VT.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn nội dung ghi

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của chủ đầu tư, tổ chức đề nghị (nếu có);

(2) Tên chủ đầu tư, cơ quan, tổ chức đề nghị cấp phép thi công nút giao đấu nối.

Mẫu: Giấy phép thi công nút giao đấu nối

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN **TÊN CƠ QUAN CẤP PHÉP** **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: ……/……	……, ngày …… tháng …… năm 202…

GIẤY PHÉP THI CÔNG NÚT GIAO ĐẤU NỐI

Công trình: Nút giao đấu nối…….(1)……..

Lý trình:…… Quốc lộ (hoặc đường khác).....

Căn cứ Luật Đường bộ năm 2024;

Căn cứ Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ;

Căn cứ văn bản … (ghi các văn bản chấp thuận thiết kế nút giao đấu nối của cơ quan … (2) ... về việc chấp thuận thiết kế nút giao đấu nối vào … (ghi bên trái/hoặc bên phải tuyến Km … (ghi lý trình) của tuyến đường …. … (ghi tên, số hiệu đường bộ)…;

Căn cứ Đơn đề nghị cấp phép thi công của.....(3) và hồ sơ thiết kế, tổ chức thi công được duyệt.

1. Cấp cho:…..(3) ……..

- Địa chỉ …….;

- Điện thoại …….;

- …….

2. Được phép thi công nút giao đấu nối vào nút giao … (ghi bên trái/hoặc bên phải tuyến Km … (ghi lý trình) của đường quốc lộ …. … (ghi tên, số hiệu đường bộ)…, theo hồ sơ thiết kế nút giao đấu nối đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận gồm các nội dung chính như sau:

a).....;

b).....;

3. Các yêu cầu đối với đơn vị thi công công trình:

- Mang giấy này đến người quản lý, sử dụng đường bộ (trực tiếp quản lý tuyến đường) để nhận bàn giao mặt bằng hiện trường; tiến hành thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông theo hồ sơ tổ chức thi công được duyệt và các quy định của pháp luật về đường bộ, pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ khi thi công trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ;

- Sau khi nhận mặt bằng thi công, đơn vị thi công phải chịu trách nhiệm về an toàn giao thông, chịu sự kiểm tra, kiểm soát của người quản lý, sử dụng đường bộ và cơ quan có thẩm quyền khác;

- Kể từ ngày nhận bàn giao mặt bằng, nếu đơn vị thi công không thực hiện việc tổ chức giao thông, gây mất an toàn giao thông sẽ bị đình chỉ thi công; mọi trách nhiệm liên quan đến tai nạn giao thông và chi phí thiệt hại khác (nếu có) đơn vị thi công tự chịu, ngoài ra còn chịu xử lý theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về đền bù thiệt hại công trình đường bộ do lỗi của đơn vị thi công gây ra khi thi công trên đường bộ đang khai thác;

- Khi kết thúc thi công phải bàn giao lại mặt bằng thi công cho đơn vị quản lý đường bộ;

- …….. (các nội dung khác nếu cần thiết) ……

4. Thời hạn thi công:

Giấy phép thi công này có thời hạn từ ngày.../…./20 ...đến….ngày…/……./20....

(…2….) **NGƯỜI KÝ**

Nơi nhận:
- …….;
-

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn nội dung ghi:

(1): Ghi tên dự án, công trình cấp giấy phép thi công.

(2): Ghi tên cơ quan thẩm quyền chấp thuận thiết kế.

(3): Ghi tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép thi công.

12. Quy trình Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác (QT-12)

1	**Mục đích:** Quy trình này ban hành nhằm quy định trình tự giải quyết thủ tục hành chính nâng cao hiệu quả làm việc của công chức thuộc phòng chuyên môn, phân định rõ thời gian, trách nhiệm của các bộ phận, cá nhân trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính: **"Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác".**		
2	**Phạm vi:** - Áp dụng đối với các tổ chức có nhu cầu đề nghị "**Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác**" do UBND thành phố Hà Nội giao Sở Giao thông vận tải, UBND cấp Huyện, UBND cấp Xã. - Cán bộ, công chức Sở Giao thông vận tải Hà Nội tham gia thực hiện thủ tục hành chính "**Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác**" chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.		
3	**Nội dung quy trình**		
3.1	**Cơ sở pháp lý**		
	- Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024; - Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải; - Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; - Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; - Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ; - Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND ngày 19/9/2016 Ban hành Quy định phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội. - Quyết định số 1501/QĐ-BGTVT ngày 09/12/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc Công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giai thông vận tải - Quyết định số 6806/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND thành phố Hà Nội v/v công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung,thay thế lĩnh vực đường bộ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Sở Giao thông vận tải; thủ tục hành chính thực hiện theo phương án ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội.		
3.2	**Thành phần hồ sơ**	**Bản chính**	**Bản sao**
1	Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác.	x	
2	- Bản vẽ thiết kế thi công có các thông tin về vị trí		x

	và lý trình công trình đường bộ, bản vẽ phải thể hiện: diện tích, kích thước công trình trên mặt bằng công trình đường bộ và trong phạm vi đất dành cho đường bộ; mặt đứng và khoảng cách theo phương thẳng đứng từ công trình bên trên hoặc bên dưới đến bề mặt công trình đường bộ, khoảng cách theo phương ngang từ cột, tuyến đường dây, đường ống, bộ phận khác của công trình đề nghị cấp phép đến mép ngoài rãnh thoát nước dọc, mép mặt đường xe chạy hoặc mép ngoài cùng của mặt đường bộ; bộ phận công trình đường bộ phải đào, khoan khi xây dựng công trình. - Đối với công trình đề nghị cấp giấy phép thi công trong phạm vi dải phân cách giữa của đường bộ, ngoài Bản vẽ thiết kế thi công phải có thông tin về khoảng cách theo phương thẳng đứng, phương ngang từ mép công trình đề nghị cấp phép đến bề mặt và mép ngoài dải phân cách giữa; - Đối với công trình đề nghị cấp giấy phép thi công lắp đặt vào cầu, hầm hoặc các công trình đường bộ có kết cấu phức tạp khác thì ngoài Bản vẽ thiết kế thi công phải có báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế và kết quả tính toán khả năng chịu lực của công trình đường bộ do tổ chức tư vấn đủ năng lực theo quy định của pháp luật về xây dựng thực hiện.		
3	- Bản vẽ thiết kế hoàn trả công trình đường bộ bị ảnh hưởng; bản vẽ và thuyết minh: biện pháp tổ chức thi công, biện pháp bảo đảm giao thông trong thời gian thi công trên đường bộ đang khai thác.		x
(*Trường hợp gửi hồ sơ trực tuyến, thành phần hồ sơ là bản chính hoặc bản sao điện tử các thành phần hồ sơ tương ứng theo quy định*).			
3.3	**Số lượng hồ sơ**		
	01 bộ		
3.4	**Thời gian xử lý**		
	- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.		
3.5	**Nơi tiếp nhận và trả kết quả**		
	1. Trường hợp nộp tại Sở Giao thông vận tải Hà Nội - Nộp hồ sơ tại địa chỉ https://dichvucong.hanoi.gov.vn - Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Sở Giao thông vận tải Hà Nội – Số 02 Phùng Hưng, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. - Nộp qua hệ thống bưu chính. *2. Trường hợp nộp tại UBND cấp Huyện* - Nộp hồ sơ tại địa chỉ https://dichvucong.hanoi.gov.vn - Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của UBND cấp Huyện. - Nộp qua hệ thống bưu chính. *3. Trường hợp nộp tại UBND cấp Xã* - Nộp hồ sơ tại địa chỉ https://dichvucong.hanoi.gov.vn		

	- Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của UBND cấp Xã. - Nộp qua hệ thống bưu chính.			
3.6	**Phí, lệ phí**			
	Không			
3.7	**Quy trình xử lý công việc**			
3.7.1.	**Phân cấp quản lý của Sở Giao thông vận tải Hà Nội theo Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND ngày 19/9/2016 của UBND thành phố Hà Nội**			
TT	**Trình tự**	**Trách nhiệm**	**Thời gian**	**Biểu mẫu/kết quả**
B1	Nộp hồ sơ - Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa Sở Giao thông vận tải Hà Nội. - Đối với hồ sơ nộp gián tiếp: Qua hệ thống bưu điện hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.hanoi.gov.vn	Tổ chức/cá nhân	- Giờ hành chính (Trường hợp Nộp hồ sơ trực tiếp; Qua dịch vụ bưu chính công ích) - Trong và ngoài giờ hành chính (Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến)	Theo mục 3.2
B2	- Tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra đối chiếu hồ sơ theo quy định: + Tiếp nhận trực tiếp: Bộ phận một cửa kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đủ thì tiếp nhận và viết phiếu hẹn trả kết quả, nếu không đủ thì hướng dẫn chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ theo quy định. + Đối với hồ sơ nộp gián tiếp: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, bộ phận một cửa kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đủ thì tiếp nhận, nếu không đủ, có văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân để bổ sung,	- Cán bộ tiếp nhận trả kết quả Bộ phận một cửa. - Cán bộ tiếp nhận Phòng quản lý kết cấu	0,5 ngày làm việc	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (văn bản hướng dẫn khi nhận qua bưu điện hồ sơ chưa đầy đủ). - Mẫu số 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP

	hoàn thiện. - Chuyển hồ sơ bàn giao cho phòng quản lý hết cấu hạ tầng giao thông.	hạ tầng giao thông.		
B3	Phân công xử lý hồ sơ	- Lãnh đạo Phòng quản lý kết cấu hạ tầng giao thông.	0,5 ngày làm việc	- Mẫu số 01, 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	- Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông thụ lý hồ sơ theo quy định. Kết quả: Kiểm tra hồ sơ, (thực tế nếu cần, trường hợp phức tạp cần thiết phải họp lấy ý kiến liên ngành …) Soạn thảo giấy phép thi công hoặc văn bản trả lời và nêu rõ lý do trường hợp không cấp phép.	Cán bộ thụ lý Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông.	4,5 ngày làm việc	- Mẫu số 01, 02, 03, 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP - Văn bản: Giấy phép thi công hoặc văn bản trả lời và nêu rõ lý do trường hợp không cấp phép.
B5	Trình lãnh đạo phòng duyệt kết quả.	- Cán bộ thụ lý Phòng Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông - Lãnh đạo Phòng Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông	0,5 ngày làm việc	- Mẫu số 01, 02, 03, 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP - Văn bản: Giấy phép thi công hoặc văn bản trả lời và nêu rõ lý do trường hợp không cấp phép.
B6	Trình ký lãnh đạo Sở	- Cán bộ thụ lý Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông - Lãnh đạo Sở	0,5 ngày làm việc	- Mẫu số 01, 02, 03, 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP - Văn bản: Giấy phép thi công hoặc văn bản trả

				lời và nêu rõ lý do trường hợp không cấp phép.
B7	Hoàn thiện kết quả. Trả kết quả về Bộ phận một cửa.	- Cán bộ tiếp nhận trả kết quả Bộ phận một cửa - Cán bộ thụ lý Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông	0,5 ngày làm việc	- Mẫu số 01, 02, 03, 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP - Văn bản: Giấy phép thi công hoặc văn bản trả lời và nêu rõ lý do trường hợp không cấp phép.
B8	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. - Tổ chức, cá nhân nộp lại 01 bộ hồ sơ theo quy định tại mục 6.3 phần II Quyết định 1501/QĐ-BGTVT ngày 09/12/2024 của Bộ Giao thông vận tải khi nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho cán bộ Một cửa.	Bộ phận một cửa – Sở Giao thông vận tải Hà Nội	Giờ hành chính	- Mẫu số 02, 03 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP - Văn bản: Giấy phép thi công hoặc văn bản trả lời và nêu rõ lý do trường hợp không cấp phép.
B9	Thống kê và theo dõi: Cán bộ tiếp nhận trả kết quả Bộ phận một cửa có trách nhiệm thống kê các thủ tục hành chính thực hiện tại đơn vị vào Sổ thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính.	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 01, 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Sổ theo dõi hồ sơ.
3.7.2.	**Phân cấp quản lý của UBND cấp Huyện theo Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND ngày 19/9/2016 của UBND thành phố Hà Nội**			
B1	Nộp hồ sơ - Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa Uỷ ban nhân dân cấp Huyện - Đối với hồ sơ nộp gián tiếp: Qua hệ thống bưu điện hoặc qua cổng dịch vụ công trực	Tổ chức/cá nhân	- Giờ hành chính (Trường hợp Nộp hồ sơ trực tiếp; Qua dịch vụ	Theo mục 3.2

	tuyến.		bưu chính công ích) - Trong và ngoài giờ hành chính (Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến)	
B2	- Tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra đối chiếu hồ sơ theo quy định: + Tiếp nhận trực tiếp: Bộ phận một cửa kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đủ thì tiếp nhận và viết phiếu hẹn trả kết quả, nếu không đủ thì hướng dẫn chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ theo quy định. + Đối với hồ sơ nộp gián tiếp: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, bộ phận một cửa kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đủ thì tiếp nhận, nếu không đủ, có văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện. - Chuyển hồ sơ bàn giao cho phòng chuyên môn.	- Cán bộ tiếp nhận trả kết quả Bộ phận một cửa. - Cán bộ tiếp nhận phòng Chuyên môn.	0,5 ngày làm việc	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (văn bản hướng dẫn khi nhận qua bưu điện hồ sơ chưa đầy đủ). - Mẫu số 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Phân công xử lý hồ sơ	- Lãnh đạo phòng Chuyên môn.	0,5 ngày làm việc	- Mẫu số 01, 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
	- Phòng phòng Chuyên môn thụ lý hồ sơ theo quy định. Kết quả: Kiểm tra hồ sơ, (thực tế nếu cần, trường hợp phức tạp cần thiết phải họp lấy ý kiến liên ngành …) Soạn thảo giấy phép thi công hoặc văn bản trả lời và nêu rõ lý do trường hợp không cấp phép.	Cán bộ thụ lý Phòng phòng Chuyên môn.		- Mẫu số 01, 02, 03, 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP - Văn bản: Giấy phép thi công hoặc văn bản trả

B4			4,5 ngày làm việc	lời và nêu rõ lý do trường hợp không cấp phép.
B5	Trình lãnh đạo phòng duyệt kết quả.	- Cán bộ thụ lý Phòng phòng Chuyên môn - Lãnh đạo Phòng phòng Chuyên môn	0,5 ngày làm việc	- Mẫu số 01, 02, 03, 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP - Văn bản: Giấy phép thi công hoặc văn bản trả lời và nêu rõ lý do trường hợp không cấp phép.
B6	Trình ký lãnh đạo Sở	- Cán bộ thụ lý phòng Chuyên môn - Lãnh đạo UBND Huyện	0,5 ngày làm việc	- Mẫu số 01, 02, 03, 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP - Văn bản: Giấy phép thi công hoặc văn bản trả lời và nêu rõ lý do trường hợp không cấp phép.
B7	Hoàn thiện kết quả. Trả kết quả về Bộ phận một cửa.	- Cán bộ tiếp nhận trả kết quả Bộ phận một cửa - Cán bộ thụ lý phòng Chuyên môn	0,5 ngày làm việc	- Mẫu số 01, 02, 03, 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP - Văn bản: Giấy phép thi công hoặc văn bản trả lời và nêu rõ lý do trường hợp không cấp phép.
B8	- Trả kết quả cho tổ chức, cá	Bộ phận một	Giờ hành	- Mẫu số 02, 03

	nhân. - Tổ chức, cá nhân nộp lại 01 bộ hồ sơ theo quy định tại mục 6.3 phần II Quyết định 1501/QĐ-BGTVT ngày 09/12/2024 của Bộ Giao thông vận tải khi nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho cán bộ Một cửa.	cửa – UBND cấp Huyện,	chính	theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP - Văn bản: Giấy phép thi công hoặc văn bản trả lời và nêu rõ lý do trường hợp không cấp phép.
B9	Thống kê và theo dõi: Cán bộ tiếp nhận trả kết quả Bộ phận một cửa có trách nhiệm thống kê các thủ tục hành chính thực hiện tại đơn vị vào Sổ thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính.	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 01, 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Sổ theo dõi hồ sơ.
3.7.3	**Phân cấp quản lý của UBND cấp Xã theo Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND ngày 19/9/2016 của UBND thành phố Hà Nội**			
B1	Nộp hồ sơ - Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa Uỷ ban nhân dân cấp xã. - Đối với hồ sơ nộp gián tiếp: Qua hệ thống bưu điện hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến của Thành phố	Tổ chức/cá nhân	- Giờ hành chính (Trường hợp Nộp hồ sơ trực tiếp; Qua dịch vụ bưu chính công ích) - Trong và ngoài giờ hành chính (Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến)	Theo mục 3.2
	- Tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra đối chiếu hồ sơ theo quy định: + Tiếp nhận trực tiếp: Bộ phận một cửa kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đủ thì tiếp nhận và viết phiếu hẹn trả kết quả, nếu không	- Cán bộ tiếp nhận trả kết quả Bộ phận một cửa.	0,5 ngày làm việc	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (văn bản hướng dẫn khi nhận qua bưu điện hồ sơ chưa đầy đủ). - Mẫu số 05

B2	đủ thì hướng dẫn chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ theo quy định. + Đối với hồ sơ nộp gián tiếp: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, bộ phận một cửa kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đủ thì tiếp nhận, nếu không đủ, có văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện. - Chuyển hồ sơ bàn giao cho phòng chuyên môn.	- Cán bộ tiếp nhận UBND Xã.		theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Phân công xử lý hồ sơ	- Lãnh đạo Xã.	0,5 ngày làm việc	- Mẫu số 01, 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	- UBND cấp xã thụ lý hồ sơ. Kết quả: Kiểm tra hồ sơ, (thực tế nếu cần, trường hợp phức tạp cần thiết phải họp lấy ý kiến liên ngành …) Soạn thảo giấy phép thi công hoặc văn bản trả lời và nêu rõ lý do trường hợp không cấp phép.	Cán bộ thụ lý.	4,5 ngày làm việc	- Mẫu số 01, 02, 03, 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP - Văn bản: Giấy phép thi công hoặc văn bản trả lời và nêu rõ lý do trường hợp không cấp phép.
B5	Trình lãnh đạo phòng duyệt kết quả.	- Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo UBND xã	0,5 ngày làm việc	- Mẫu số 01, 02, 03, 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP - Văn bản: Giấy phép thi công hoặc văn bản trả lời và nêu rõ lý do trường hợp

				không cấp phép.
B6	Trình ký lãnh đạo Xã	- Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo UBND xã	0,5 ngày làm việc	- Mẫu số 01, 02, 03, 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP - Văn bản: Giấy phép thi công hoặc văn bản trả lời và nêu rõ lý do trường hợp không cấp phép.
B7	Hoàn thiện kết quả. Trả kết quả về Bộ phận một cửa.	- Cán bộ tiếp nhận trả kết quả Bộ phận một cửa - Cán bộ thụ lý	0,5 ngày làm việc	- Mẫu số 01, 02, 03, 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP - Văn bản: Giấy phép thi công hoặc văn bản trả lời và nêu rõ lý do trường hợp không cấp phép.
B8	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. - Tổ chức, cá nhân nộp lại 01 bộ hồ sơ theo quy định tại mục 6.3 phần II Quyết định 1501/QĐ-BGTVT ngày 09/12/2024 của Bộ Giao thông vận tải khi nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho cán bộ Một cửa.	Bộ phận một cửa – UBND cấp Xã	Giờ hành chính	- Mẫu số 02, 03 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP - Văn bản: Giấy phép thi công hoặc văn bản trả lời và nêu rõ lý do trường hợp không cấp phép.
4	**BIỂU MẪU**			
	- Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018. - Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác. - Giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác			

Mẫu: Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác

(1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
(2)	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
-------	----------
Số: ……/……	……, ngày …… tháng …… năm 20…

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH TRÊN ĐƯỜNG BỘ ĐANG KHAI THÁC
Về đề nghị (…3…)

Kính gửi: .....(…4…)

Căn cứ Luật Đường bộ năm 2024;

Căn cứ Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ;

- Căn cứ (5);

(2) đề nghị được cấp phép thi công (6) tại (7). Thời gian thi công bắt đầu từ ngày…tháng… năm... đến hết ngày…tháng… năm...

(2) cam kết thực hiện các nội dung sau đây:

- Tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi cơ quan quản lý đường bộ, người quản lý, sử dụng đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo công trình.

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm giao thông an toàn, thông suốt theo quy định, hạn chế ùn tắc giao thông đến mức cao nhất và không gây ô nhiễm môi trường.

- Thi công theo đúng hồ sơ thiết kế đã được (8) phê duyệt và tuân thủ theo quy định của Giấy phép thi công. Trường hợp thi công không thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông an toàn, thông suốt theo quy định, để xảy ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, (2) chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ: ……

Số điện thoại: .....

	(……2…..)
Nơi nhận:	**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**
- Như trên;	*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*
- .....;	
- Lưu VT.	

Hướng dẫn nội dung ghi:

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình trên đường bộ.

(3) Ghi vắn tắt tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép, tên đường bộ, tên địa phương; ví dụ "Cấp phép thi công đường ống cấp nước trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ của Quốc lộ 39, địa phận tỉnh Hưng Yên".

(4) Tên cơ quan cấp phép thi công.

(5) Văn bản chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước (biển quảng cáo/biển thông tin cổ động/ tuyên truyền chính trị/công trình hạ tầng, xây dựng/lắp đặt công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung) trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ (kèm theo hồ sơ được chấp thuận) của cơ quan có thẩm quyền (4).

(6) Ghi đầy đủ tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép thi công.

(7) Ghi đầy đủ lý trình, tên quốc lộ, thuộc địa phận tỉnh nào.

(8) Chủ đầu tư hoặc cơ quan có thẩm quyền (trường hợp chủ đầu tư không đủ năng lực phê duyệt thiết kế)./.

Mẫu: Giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN **TÊN CƠ QUAN CẤP PHÉP** ---	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ---
Số: ……/……	……, ngày …… tháng …… năm 20…

GIẤY PHÉP THI CÔNG

Công trình:.....(1).....

Lý trình:.....(ghi tên đường)....

- Căn cứ Luật Đường bộ năm 2024;

- Căn cứ Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ;

- Căn cứ (4);

- Căn cứ Đơn đề nghị cấp phép thi công của....(3) và hồ sơ thiết kế, tổ chức thi công được duyệt.

1. Cấp cho: ……..(3)……

- Địa chỉ ……;

- Điện thoại ……..……;

- ……

2. Được phép thi công công trình:...(1)...trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ từ lý trình Km.....đến Km.....đường ..., theo hồ sơ thiết kế và tổ chức thi công được...(2)… chấp thuận, gồm các nội dung chính như sau:

a).....;

b).....;

c).....;

d).....;

3. Các yêu cầu đối với đơn vị thi công công trình:

- Mang giấy này đến đơn vị quản lý đường bộ (trực tiếp quản lý tuyến đường) để nhận bàn giao mặt bằng hiện trường; tiến hành thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông theo hồ sơ được chấp thuận và các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn giao thông khi thi công trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ;

- Sau khi nhận mặt bằng thi công, đơn vị thi công phải chịu trách nhiệm về an toàn giao thông, chịu sự kiểm tra, kiểm soát của đơn vị quản lý đường bộ và cơ quan có thẩm quyền khác;

- Kể từ ngày nhận bàn giao mặt bằng, nếu đơn vị thi công không thực hiện việc tổ chức giao thông, gây mất an toàn giao thông sẽ bị đình chỉ thi công; mọi trách nhiệm liên quan đến tai nạn giao thông và chi phí thiệt hại khác (nếu có) đơn vị thi công tự chịu trách nhiệm, ngoài ra còn chịu xử lý theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về đền bù thiệt hại công trình đường bộ do lỗi của đơn vị thi công gây ra khi thi công trên đường bộ;

- Khi kết thúc thi công phải bàn giao lại mặt bằng thi công cho đơn vị quản lý đường bộ;

-……(các nội dung khác nếu cần thiết)…….

4. Thời hạn thi công:

Giấy phép thi công này có thời hạn từ ngày.../...../20...đến ngày...../...../20..../.

(……2…..)

Nơi nhận:
- Như trên;
- .....;
- Lưu VT…

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

<u>Hướng dẫn nội dung ghi:</u>

(1) Tên dự án, công trình cấp giấy phép thi công.

(2) Tên cơ quan chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ (kèm theo hồ sơ được chấp thuận).

(3) Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép thi công.

(4) Văn bản chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước (biển quảng cáo/biển thông tin cổ động/ tuyên truyền chính trị/công trình hạ tầng, xây dựng/lắp đặt công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung) trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ (kèm theo hồ sơ được chấp thuận) của cơ quan có thẩm quyền (2).

13. Quy trình Công bố đưa bến xe khách vào khai thác (QT-13)

1	**Mục đích:** Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục Công bố đưa bến xe khách vào khai thác		
2	**Phạm vi:** - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu Công bố đưa bến xe khách vào khai thác. - Cán bộ, công chức phòng Quản lý vận tải thuộc Sở GTVT Hà Nội. - Cán bộ công chức tại bộ phận một cửa thuộc Sở GTVT Hà Nội.		
3	**Nội dung quy trình**		
3.1	**Cơ sở pháp lý**		
	- Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác - Quyết định số 1501/QĐ-BGTVT ngày 09/12/2024 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải - Quyết định số 6806/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND thành phố Hà Nội v/v công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung,thay thế lĩnh vực đường bộ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Sở Giao thông vận tải; thủ tục hành chính thực hiện theo phương án ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội.		
3.2	**Thành phần hồ sơ**	**Bản chính**	**Bản sao**
	Văn bản đề nghị công bố đưa bến xe khách vào khai thác theo mẫu	x	
	Văn bản chấp thuận đấu nối đường ra, vào bến xe với đường bộ của cơ quan có thẩm quyền;		x
	Bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể bến xe		x
	Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách với các công trình của bến xe;		x
	Quyết định cho phép đầu tư xây dựng của cơ quan có thẩm quyền và biên bản nghiệm thu xây dựng	x	
	Quy chế quản lý khai thác bến xe khách do đơn vị kinh doanh dịch vụ bến xe khách ban hành.	x	
3.3	**Số lượng hồ sơ**		
	01 bộ		
3.4	**Thời gian xử lý**		
	- Thời hạn kiểm tra: trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định. - Thời hạn công bố: + Trường hợp quyết định công bố: trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra. + Trường hợp thông báo cho đơn vị kinh doanh dịch vụ bến xe khách: trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra.		

3.5	**Nơi tiếp nhận và trả kết quả**			
	- Nộp hồ sơ tại địa chỉ https://dichvucong.hanoi.gov.vn - Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Sở Giao thông vận tải Hà Nội – Số 02 Phùng Hưng, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. - Nộp qua hệ thống bưu chính.			
3.6	**Phí, lệ phí**			
	Không			
3.7	**Quy trình xử lý công việc**			
TT	**Trình tự**	**Trách nhiệm**	**Thời gian**	**Biểu mẫu/Kết quả**
B1	- Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và ghi phiếu tiếp nhận giải quyết TTHC; - Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ	Chuyên viên trực một của	Giờ hành chính	Mẫu số 01, 02 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B2	Bàn giao hồ sơ	- Chuyên viên trực một cửa; - Chuyên viên phòng QLVT	Giờ hành chính	Mẫu số 01, 02 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra các tiêu chí phân loại bến xe theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách và lập biên bản kiểm tra;	Chuyên viên phòng QLVT	Trong thời hạn 10 ngày	Biên bản kiểm tra
B3.1.	**Trường hợp sau khi kiểm tra, nếu bến xe không đáp ứng đúng các tiêu chí thì phải ghi rõ các nội dung không đạt trong biên bản kiểm tra**			
	Sau khi kiểm tra, bến xe không đáp ứng đúng các tiêu chí	Chuyên viên phòng QLVT	02 ngày làm việc	Biên bản kiểm tra và Thông báo của Sở GTVT Hà Nội cho đơn vị kinh doanh dịch vụ bến xe khách
B3.2.	**Trường hợp bến xe đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại bến xe mà đơn vị kinh doanh dịch vụ bến xe đề nghị**			
B4	Sau khi kiểm tra, bến xe đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại bến xe mà đơn vị kinh doanh dịch vụ bến xe đề nghị.	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	03 ngày làm việc	Biên bản kiểm tra và dự thảo quyết định công bố đưa

				bến xe vào khai thác. Mẫu số 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Phê duyệt hồ sơ và ký nháy	Lãnh đạo phòng phê duyệt	01 ngày làm việc	Quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác. Mẫu số 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B6	Trình Lãnh đạo Sở phê duyệt (hoặc có thể ủy quyền cho Lãnh đạo phòng phê duyệt trên hệ thống phần mềm để đảm bảo tiến độ thời gian	Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải	01 ngày làm việc	Quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác. (được ký duyệt) Mẫu số 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B7	Ban hành kết quả (số văn bản và đóng dấu)	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải và Văn phòng Sở	Giờ hành chính	Quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác. (đã được ban hành) Mẫu số 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B8	Bàn giao Chuyên viên Bộ phận một cửa	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải và chuyên viên trực một của	Giờ hành chính	Mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B9	Trả kết quả cho tổ chức, các nhân	Bộ phận một của	Giờ hành	Quyết định công bố đưa

			chính	bến xe khách vào khai thác.
4	**Biểu Mẫu**			
	1. Mẫu Giấy đề nghị công bố đưa bến xe khách vào khai thác 2. Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật theo quy chuẩn đối với các công trình của bến xe khách; 3. Quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác. 4. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.			

Mẫu: Giấy đề nghị công bố đưa bến xe khách vào khai thác

..... (2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày.... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CÔNG BỐ ĐƯA BẾN XE KHÁCH VÀO KHAI THÁC

Kính gửi:..... (1).....

1. Đơn vị khai thác bến xe khách: (2):.....

2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....

3. Trụ sở:.....

4. Số điện thoại (Fax):.....

5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số..... do..... cấp ngày... tháng...năm.....

Đề nghị kiểm tra để đưa bến xe khách..... (3) .....

Cụ thể như sau:

- Tên: (3).....

- Địa chỉ: (4).....

- Tổng diện tích đất: (5).....

Sau khi xem xét và đối chiếu với các quy định tại QCVN ……./BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách chúng tôi đề nghị....(1)..... công bố Bến xe khách..... (3)..... đạt quy chuẩn Bến xe loại:..... (6)..... và được đưa vào khai thác..... (2).... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

Đại diện đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu...

*** <u>Hướng dẫn ghi:</u>**

1) Gửi Sở Giao thông vận tải địa phương có bến xe khách.

(2) Ghi tên đơn vị kinh doanh dịch vụ bến xe khách.

(3) Ghi tên bến xe khách.

(4) Ghi tên vị trí, lý trình, địa chỉ của bến xe khách.

(5) Ghi diện tích đất hợp pháp được sử dụng để xây dựng bến xe khách.

(6) Ghi loại bến xe khách đề nghị công bố.

Mẫu: Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật theo quy chuẩn đối với các công trình của bến xe khách

.....(2).....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../.....	*....., ngày.... tháng.... năm.....*

BẢN ĐỐI CHIẾU CÁC QUY ĐỊNH KỸ THUẬT THEO QUY CHUẨN ĐỐI VỚI CÁC CÔNG TRÌNH CỦA BẾN XE KHÁCH

Kính gửi:.....(1).....

1. Đơn vị khai thác bến xe khách: (2):.....

2. Trụ sở:.....

3. Số điện thoại (Fax):.....

Kết quả đối chiếu các quy định kỹ thuật theo quy chuẩn đối với các công trình của bến xe khách.....(3)..... như sau:

TT	Tiêu chí phân loại	Đơn vị tính	Quy định kỹ thuật của Bến xe khách loại ....(4)....	Theo thực tế
1	Tổng diện tích (tối thiểu)	m2		
2	Diện tích bãi đỗ xe ôtô chờ vào vị trí đón khách (tối thiểu)	m2		
3	Diện tích bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác (tối thiểu)	m2		
4	Diện tích tối thiểu phòng chờ cho hành khách (có thể phân thành nhiều khu vực trong bến)	m2		
5	Số vị trí đón, trả khách (tối thiểu)	vị trí		
6	Số chỗ ngồi tối thiểu khu vực phòng chờ cho hành khách (tối thiểu)	chỗ		
7	Hệ thống điều hòa, quạt điện khu vực phòng chờ cho hành khách (tối thiểu)			
8	Diện tích khu vực làm việc của bộ máy quản lý			
9	Diện tích văn phòng dành cho Y tế			
10	Diện tích khu vệ sinh			
11	Diện tích dành cho cây xanh, thảm cỏ			

12	Đường xe ra, vào bến			
13	Đường dẫn từ phòng chờ cho hành khách đến các vị trí đón, trả khách			
14	Kết cấu mặt đường ra, vào bến xe và sân bến			
15	Hệ thống cung cấp thông tin			
16	Hệ thống kiểm soát xe ra vào bến			

Các tiêu chí phân loại tại bảng trên áp dụng phù hợp theo quy định đối với bến xe khách được quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách.

....(2).... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

Đại diện đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu...

*** <u>Hướng dẫn ghi:</u>**

(1) Gửi Sở Giao thông vận tải địa phương có bến xe khách.

(2) Ghi tên đơn vị khai thác bến xe khách.

(3) Ghi tên bến xe.

(4) Ghi loại bến xe đề nghị công bố.

Mẫu: Quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác

..... (2) .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-**....**

....., ngày..... tháng.... năm.....

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố đưa bến xe khách/bến xe hàng vào khai thác

(2)

Căn cứ Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác;

Căn cứ QCVN ……./BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách/bến xe hàng do Bộ Giao thông vận tải ban hành ngày …. tháng …. năm 20….;

Căn cứ Quyết định số..... của..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của.....(2)....

Căn cứ Biên bản kiểm tra của.....(2)..... ngày...../...../.....

Xét đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố đưa Bến xe khách/bến xe hàng..... (1).... vào khai thác với các nội dung sau:

- Bến xe khách/bến xe hàng: (1) ..... Mã số:.....
- Đơn vị kinh doanh dịch vụ bến xe trực tiếp quản lý, khai thác:.....
- Vị trí (3)..... Điện thoại:..... Fax:.....
- Tổng diện tích đất:.....(4).....

Trong đó:

- Diện tích bãi đỗ xe ô tô chờ vào vị trí đón khách/xếp hàng hóa:.....
- Diện tích bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác:.....
- Diện tích phòng chờ cho hành khách (áp dụng cho bến xe khách):.....

.....(1)..... đạt quy chuẩn Bến xe khách/bến xe hàng loại:.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày..... tháng.... năm..... đến ngày..... tháng.....năm.....

Điều 3. Các ông (bà)....., Trưởng phòng.....; Thủ trưởng...(1).... và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Thủ trưởng...(2)....
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Tổng cục ĐBVN;
- Lưu.

*** <u>Hướng dẫn ghi:</u>**

(1) Ghi tên bến xe khách/bến xe hàng.

(2) Ghi tên cơ quan ban hành quyết định công bố.

(3) Ghi tên vị trí, lý trình, địa chỉ của bến xe khách/bến xe hàng.

(4) Ghi diện tích đất hợp pháp được sử dụng để xây dựng bến xe khách/bến xe hàng.

14. Quy trình Công bố lại bến xe khách (QT-14)

1	**Mục đích:** Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục Công bố đưa bến xe khách vào khai thác		
2	**Phạm vi:** - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu Công bố đưa bến xe khách vào khai thác. - Cán bộ, công chức phòng Quản lý vận tải thuộc Sở GTVT Hà Nội. - Cán bộ công chức tại bộ phận một cửa thuộc Sở GTVT Hà Nội.		
3	**Nội dung quy trình**		
3.1	**Cơ sở pháp lý**		
	- Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác - Quyết định số 1501/QĐ-BGTVT ngày 09/12/2024 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải - Quyết định số 6806/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND thành phố Hà Nội v/v công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung,thay thế lĩnh vực đường bộ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Sở Giao thông vận tải; thủ tục hành chính thực hiện theo phương án ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội.		
3.2	**Thành phần hồ sơ**	**Bản chính**	**Bản sao**
	Văn bản đề nghị công bố lại bến xe theo mẫu	x	
	Bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể các công trình xây dựng, cải tạo bến xe (nếu có thay đổi so với lần công bố trước);		x
	Quyết định cho phép đầu tư xây dựng, cải tạo của cơ quan có thẩm quyền (nếu có sự thay đổi so với lần công bố trước)		x
	Biên bản nghiệm thu các công trình xây dựng, cải tạo (nếu có sự thay đổi so với lần công bố trước)		x
	Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của quy chuẩn này với các công trình của bến xe (nếu có sự thay đổi so với lần công bố trước)		
	Văn bản hoặc tài liệu chứng minh về thay đổi đơn vị kinh doanh dịch vụ bến xe (nếu có thay đổi so với lần công bố trước)		
3.3	**Số lượng hồ sơ**		
	01 bộ		
3.4	**Thời gian xử lý**		
	- Thời hạn kiểm tra: trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định. - Thời hạn công bố: + Trường hợp quyết định công bố: trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra. + Trường hợp thông báo cho đơn vị kinh doanh dịch vụ bến xe khách: trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra.		

3.5	**Nơi tiếp nhận và trả kết quả**			
	- Nộp hồ sơ tại địa chỉ https://dichvucong.hanoi.gov.vn - Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Sở Giao thông vận tải Hà Nội – Số 02 Phùng Hưng, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. - Nộp qua hệ thống bưu chính.			
3.6	**Phí, lệ phí**			
	Không			
3.7	**Quy trình xử lý công việc**			
TT	**Trình tự**	**Trách nhiệm**	**Thời gian**	**Biểu mẫu/Kết quả**
B1	Bàn giao hồ sơ	- Chuyên viên trực một cửa; - Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	Giờ hành chính	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B2	Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra các tiêu chí phân loại bến xe theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách và lập biên bản kiểm tra;	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	Trong thời hạn 05 ngày	Biên bản kiểm tra
B2.1.	**Trường hợp sau khi kiểm tra, nếu bến xe không đáp ứng đúng các tiêu chí thì phải ghi rõ các nội dung không đạt trong biên bản kiểm tra**			
	Sau khi kiểm tra, bến xe không đáp ứng đúng các tiêu chí	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	02 ngày làm việc	Biên bản kiểm tra và Thông báo của Sở GTVT Hà Nội cho đơn vị kinh doanh dịch vụ bến xe khách
B2.2.	**Trường hợp bến xe đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại bến xe mà đơn vị kinh doanh dịch vụ bến xe đề nghị**			
B3	Sau khi kiểm tra, bến xe đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại bến xe mà đơn vị kinh doanh dịch vụ bến xe đề nghị.	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	01 ngày làm việc	Biên bản kiểm tra và dự thảo quyết định công bố đưa bến xe vào khai thác. Mẫu số 05 theo Thông tư

				01/2018/TT-VPCP
B4	- Kiểm tra hồ sơ, cập nhập dữ liệu, in kết quả. Trình lãnh đạo phòng phê duyệt. - Hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	01 ngày làm việc	- Quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác. - Mẫu số 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Phê duyệt hồ sơ và ký nháy	Lãnh đạo phòng phê duyệt	0.5 ngày làm việc	Quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác. Mẫu số 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B6	Trình Lãnh đạo Sở phê duyệt (hoặc có thể ủy quyền cho Lãnh đạo phòng phê duyệt trên hệ thống phần mềm để đảm bảo tiến đô thời gian	Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải	0.5 ngày làm việc	Quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác. (được ký duyệt) Mẫu số 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B7	Ban hành kết quả (số văn bản và đóng dấu)	Giờ hành chính	Giờ hành chính	Quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác. (đã được ban hành) Mẫu số 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B8	Bàn giao Chuyên viên Bộ phận một cửa	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải và chuyên viên trực	Giờ hành chính	Mẫu số 06 theo Thông tư

		một của		01/2018/TT-VPCP
B9	Trả kết quả cho tổ chức, các nhân	Bộ phận một của	Giờ hành chính	Quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác.
4	**Biểu Mẫu**			
	1. Giấy đề nghị công bố lại bến xe khách; 2. Quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác. 3. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.			

Mẫu: Giấy đề nghị công bố lại bến xe khách

.....(2).....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../.....	*....., ngày... tháng.... năm...*

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CÔNG BỐ LẠI BẾN XE KHÁCH

Kính gửi:..... (1) .....

1. Đơn vị khai thác bến xe khách:..... (2): .....

2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....

3. Trụ sở:.....

4. Số điện thoại (Fax):.....

5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số..... do..... cấp ngày...tháng...năm.....

Đơn vị hiện đang quản lý, khai thác...(3)..... Theo Quyết định công bố đưa Bến xe khách vào khai thác số.... ngày.... tháng... năm... của....(1)..... Thời gian được phép khai thác đến ngày... tháng.... năm.....

Sau khi xem xét các quy định tại Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác; QCVN …../BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Bến xe khách, chúng tôi đề nghị.... (1)..... tiếp tục công bố đưa Bến xe khách.... (3).... đạt loại:..... (4):..... vào khai thác...(2).... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

Đại diện đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu...

* **Hướng dẫn ghi:**

(1) Gửi Sở Giao thông vận tải địa phương có bến xe khách.

(2) Ghi tên đơn vị khai thác bến xe khách.

(3) Ghi tên bến xe khách.

(4) Ghi loại bến xe khách đề nghị công bố.

Mẫu: Quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác

..... (2)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../QĐ-....	*....., ngày..... tháng.... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố đưa bến xe khách/bến xe hàng vào khai thác

(2)

Căn cứ Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác;

Căn cứ QCVN ……./BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách/bến xe hàng do Bộ Giao thông vận tải ban hành ngày …. tháng …. năm 20….;

Căn cứ Quyết định số..... của..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của.....(2)....

Căn cứ Biên bản kiểm tra của.....(2)..... ngày...../...../.....

Xét đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố đưa Bến xe khách/bến xe hàng..... (1).... vào khai thác với các nội dung sau:

- Bến xe khách/bến xe hàng: (1) ..... Mã số:.....
- Đơn vị kinh doanh dịch vụ bến xe trực tiếp quản lý, khai thác:.....
- Vị trí (3)..... Điện thoại:..... Fax:.....
- Tổng diện tích đất:.....(4).....

Trong đó:

- Diện tích bãi đỗ xe ô tô chờ vào vị trí đón khách/xếp hàng hóa:.....
- Diện tích bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác:.....
- Diện tích phòng chờ cho hành khách (áp dụng cho bến xe khách):.....

.....(1)..... đạt quy chuẩn Bến xe khách/bến xe hàng loại:.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày..... tháng.... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....

Điều 3. Các ông (bà)....., Trưởng phòng.....; Thủ trưởng...(1).... và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Thủ trưởng...(2)....
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Tổng cục ĐBVN;
- Lưu.

*** <u>Hướng dẫn ghi:</u>**

(1) Ghi tên bến xe khách/bến xe hàng.

(2) Ghi tên cơ quan ban hành quyết định công bố.

(3) Ghi tên vị trí, lý trình, địa chỉ của bến xe khách/bến xe hàng.

(4) Ghi diện tích đất hợp pháp được sử dụng để xây dựng bến xe khách/bến xe hàng.

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN THEO PHƯƠNG ÁN ỦY QUYỀN GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI.

1. Quy trình Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp (QT-01)

1	**Mục đích:** Quy định trình tự và cách thức thủ tục đổi giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp		
2	**Phạm vi:** Áp dụng đối với cá nhân có nhu cầu đổi giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp. Cán bộ, công chức thuộc Sở Giao thông vận tải, UBND các huyện (được ủy quyền) chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.		
3	**Nội dung quy trình**		
3.1	**Cơ sở pháp lý**		
	1. Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; đào tạo, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ; 2. Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng; 3. Quyết định số 1503/QĐ-BGTVT ngày 09/12/2024 của Bộ GTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT. 4. Quyết định số 2932/QĐ-SGTVT ngày 19/7/2024 của Giám đốc Sở GTVT Hà Nội về việc ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Sở Giao thông vận tải Hà Nội. 5. Quyết định số 3746/QĐ-SGTVT ngày 30/8/2024 của Giám đốc Sở GTVT Hà Nội về việc ủy quyền tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Sở Giao thông vận tải Hà Nội. 6. Quyết định số 6806/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND thành phố Hà Nội v/v công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung,thay thế lĩnh vực đường bộ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Sở Giao thông vận tải; thủ tục hành chính thực hiện theo phương án ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội.		
3.2	**Thành phần hồ sơ**	**Bản chính**	**Bản sao**
	- Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe theo mẫu quy định;	X	

	- Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh cấp còn hiệu lực (trừ người có giấy phép lái xe hạng A, A1, B1)	X	
	- Bản sao hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc của giấy phép lái xe hoặc Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ đối với trường hợp tước quyền sử dụng giấy phép lái xe tích hợp;		X
	- Hộ chiếu còn thời hạn sử dụng (đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài)		X

3.3	**Số lượng hồ sơ**			
	01 bộ			
3.4	**Thời gian xử lý**			
	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định (bao gồm xác thực tài khoản định danh điện tử qua hệ thống định danh và xác thực điện tử).			
3.5	**Nơi tiếp nhận và trả kết quả**			
	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện (theo danh sách đã được ủy quyền);			
3.6	**Phí, lệ phí**			
	135.000 đồng/lần			
3.7	**Quy trình xử lý công việc**			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	Nộp hồ sơ và có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp Giấy phép lái xe khi được tiếp nhận hồ sơ theo quy định.	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ, chụp ảnh trực tiếp và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày. Yêu cầu rà soát kỹ và chịu trách nhiệm tính chính xác các thông tin cá nhân của người nộp hồ sơ đề nghị đổi, cấp lại.	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	Giờ hành chính	Mẫu số 01, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Chuyển hồ sơ cho Sở GTVT;	Bộ phận một cửa	0,5 ngày	Mẫu số 05,

	đồng bộ dữ liệu.	UBND cấp huyện; Chuyên viên phòng Chuyên môn - Sở GTVT; Hoặc có thể thông qua dịch vụ bưu chính công ích.	làm việc (trước 10 giờ sáng hàng ngày)	Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Sở GTVT thẩm định hồ sơ, giải quyết TTHC.	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở GTVT	4 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Bàn giao kết quả cho Bộ phận một cửa UBND cấp huyện.	Chuyên viên phòng Chuyên môn - Sở GTVT; Bộ phận một cửa UBND cấp huyện; Hoặc có thể thông qua dịch vụ bưu chính công ích.	0,5 ngày làm việc (trước 10 giờ sáng hàng ngày)	Mẫu số 02,03,05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT-BGTVT
B6	Trả kết quả cho cá nhân; cắt góc Giấy phép lái xe cũ.	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện; Hoặc có thể thông qua dịch vụ bưu chính công ích.	Giờ hành chính	Mẫu số 02,03, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT-BGTVT
B7	Thống kê và theo dõi Chuyên viên UBND cấp huyện có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện;	Giờ hành chính	Mẫu số 05,06, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B8	UBND cấp huyện thống kê kết quả thực hiện TTHC báo cáo Sở GTVT.	UBND cấp huyện	Ngày 5 hàng tháng	Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện TTHC
4	**BIỂU MẪU**			

	1. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018. 2. Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe.

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải……..

Tôi là:.....

Ngày tháng năm sinh: .....

Số Căn cước công dân hoặc căn cước: .....

hoặc Hộ chiếu số..... ngày cấp..... nơi cấp: .....

Đã học lái xe tại:.....năm.....

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng:.....số:.....
do:..... cấp ngày…...../…...../.....

Đề nghị cho tôi được đổi (cấp lại) giấy phép lái xe hạng:.....

Lý do:.....

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ: Có □ Không □

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày ..... tháng ..... năm 20 .....
NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký và ghi rõ họ, tên)

2. Quy trình Cấp lại Giấy phép lái xe (QT-02)

1	**Mục đích:** Quy định trình tự và cách thức thủ tục cấp lại giấy phép lái xe		
2	**Phạm vi:** Áp dụng đối với cá nhân có nhu cầu cấp lại giấy phép lái xe. Cán bộ, công chức thuộc Sở Giao thông vận tải, UBND các huyện (được ủy quyền) chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.		
3	**Nội dung quy trình**		
3.1	**Cơ sở pháp lý**		
	1. Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; đào tạo, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ; 2. Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng; 3. Quyết định số 1503/QĐ-BGTVT ngày 09/12/2024 của Bộ GTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT. 4. Quyết định số 2932/QĐ-SGTVT ngày 19/7/2024 của Giám đốc Sở GTVT Hà Nội về việc ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Sở Giao thông vận tải Hà Nội. 5. Quyết định số 3746/QĐ-SGTVT ngày 30/8/2024 của Giám đốc Sở GTVT Hà Nội về việc ủy quyền tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Sở Giao thông vận tải Hà Nội. 6. Quyết định số 6806/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND thành phố Hà Nội v/v công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung,thay thế lĩnh vực đường bộ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Sở Giao thông vận tải; thủ tục hành chính thực hiện theo phương án ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội.		
3.2	**Thành phần hồ sơ**	**Bản chính**	**Bản sao**
3.2.1	**- Trường hợp Giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng:**		
	- Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe theo mẫu quy định;	X	

	- Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh cấp còn hiệu lực (trừ người có giấy phép lái xe hạng A, A1, B1);	X	
	- Bản sao hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc của giấy phép lái xe hoặc Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ đối với trường hợp tước quyền sử dụng giấy phép lái xe tích hợp.		X
	- Hộ chiếu còn thời hạn sử dụng (đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài).	X	
3.3	**Số lượng hồ sơ**		
	01 bộ		
3.4	**Thời gian xử lý**		
	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định (bao gồm xác thực tài khoản định danh điện tử qua hệ thống định danh và xác thực điện tử).		
3.5	**Nơi tiếp nhận và trả kết quả**		
	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện (theo danh sách đã được ủy quyền);		
3.6	**Phí, lệ phí**		
	135.000 đồng/lần		
3.7	**Quy trình xử lý công việc**		

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	Nộp hồ sơ và có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp Giấy phép lái xe khi được tiếp nhận hồ sơ theo quy định.	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ, chụp ảnh trực tiếp và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày. Yêu cầu rà soát kỹ và chịu trách nhiệm tính chính xác các thông tin cá nhân của người nộp hồ sơ đề nghị đổi,	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	Giờ hành chính	Mẫu số 01, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP

	cấp lại.			
B3	Chuyển hồ sơ cho Sở GTVT; đồng bộ dữ liệu.	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện; Chuyên viên phòng Chuyên môn - Sở GTVT; Hoặc có thể thông qua dịch vụ bưu chính công ích.	0,5 ngày làm việc (trước 10 giờ sáng hàng ngày)	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Sở GTVT thẩm định hồ sơ, giải quyết TTHC.	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở GTVT	4 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Bàn giao kết quả cho Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	Chuyên viên phòng Chuyên môn - Sở GTVT; Bộ phận một cửa UBND cấp huyện; Hoặc có thể thông qua dịch vụ bưu chính công ích.	0,5 ngày làm việc (trước 10 giờ sáng hàng ngày)	Mẫu số 02,03,05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT-BGTVT
B6	Trả kết quả cho cá nhân; cắt góc Giấy phép lái xe cũ.	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện; Hoặc có thể thông qua dịch vụ bưu chính công ích.	Giờ hành chính	Mẫu số 02,03, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT-BGTVT
B7	Thống kê và theo dõi Chuyên viên UBND cấp huyện có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện;	Giờ hành chính	Mẫu số 05,06, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP

B8	UBND cấp huyện thống kê kết quả thực hiện TTHC báo cáo Sở GTVT.	UBND cấp huyện	Ngày 5 hàng tháng	Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện TTHC
4	**BIỂU MẪU**			
	1. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018. 2. Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe.			

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải……..

Tôi là:.....

Ngày tháng năm sinh: .....

Số Căn cước công dân hoặc căn cước: .....

hoặc Hộ chiếu số..... ngày cấp..... nơi cấp: .....

Đã học lái xe tại:.....năm.....

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng:.....số:.....
do:..... cấp ngày…...../……../.....

Đề nghị cho tôi được đổi (cấp lại) giấy phép lái xe hạng:.....

Lý do:.....

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ: Có □ Không □

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày ..... tháng ..... năm 20 .....
NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký và ghi rõ họ, tên)

3. Quy trình Cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ (QT-03)

1	**Mục đích:** Quy định trình tự và cách thức thủ tục Cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ.		
2	**Phạm vi:** Áp dụng đối với cá nhân có nhu cầu Cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ. Cán bộ, công chức thuộc Sở Giao thông vận tải, UBND các huyện (được ủy quyền) chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.		
3	**Nội dung quy trình**		
3.1	**Cơ sở pháp lý**		
	1. Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; đào tạo, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ; 2. Thông tư liên tịch số 72/2011/TTLT-BTC-BGTVT ngày 27/5/2011 của Bộ Tài chính - Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đào tạo lái xe cơ giới đường bộ; 3. Quyết định số 1503/QĐ-BGTVT ngày 09/12/2024 của Bộ GTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT. 4. Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục TTHC, TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở GTVT thành phố Hà Nội. 5. Quyết định số 2932/QĐ-SGTVT ngày 19/7/2024 của Giám đốc Sở GTVT Hà Nội về việc ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Sở Giao thông vận tải Hà Nội. 6. Quyết định số 6806/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND thành phố Hà Nội v/v công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung,thay thế lĩnh vực đường bộ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Sở Giao thông vận tải; thủ tục hành chính thực hiện theo phương án ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội.		
3.2	**Thành phần hồ sơ**	**Bản chính**	**Bản sao**
	- Đơn đề nghị cấp lại Chứng chỉ theo mẫu quy định	X	
	- 03 ảnh màu kích thước 2x3 cm chụp không quá 06 tháng (đối với trường hợp Chứng chỉ bị hỏng hoặc có sự sai lệch	X	

	về thông tin).			
3.3	**Số lượng hồ sơ**			
	01 bộ			
3.4	**Thời gian xử lý**			
	2,5 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.			
3.5	**Nơi tiếp nhận và trả kết quả**			
	- Bộ phận một cửa UBND cấp huyện (theo danh sách đã được ủy quyền); - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến			
3.6	**Phí, lệ phí**			
	Theo quy định tại Thông tư liên tịch số 72/2011/TTLT-BTC-BGTVT ngày 27/5/2011 của Bộ Tài chính - Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đào tạo lái xe cơ giới đường bộ.			
3.7	**Quy trình xử lý công việc**			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	Nộp hồ sơ	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày.	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	Giờ hành chính	Mẫu số 01, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - UBND Huyện	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - UBND Huyện	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Tra cứu, xác minh, thẩm định hồ sơ, in Chứng chỉ, Sổ quản lý cấp chứng chỉ.	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - UBND	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông

		Huyện		tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục 4,7 Thông tư 06/2011/TT-BGTVT.
B6	Trình Lãnh đạo Huyện; Trưởng phòng ký chứng chỉ; Hoàn thiện kết quả (đóng dấu vào chứng chỉ)	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo UBND Huyện	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục 7, Thông tư 06/2011/TT-BGTVT
B7	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - UBND Huyện	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục 7 Thông tư 06/2011/TT-BGTVT.
B8	Trả kết quả cho cá nhân	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện; Hoặc có thể thông qua dịch vụ bưu chính công ích.	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục 7 Thông tư 06/2011/TT-BGTVT.
B9	Thống kê và theo dõi Chuyên viên UBND cấp huyện có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện;	Giờ hành chính	Mẫu số 05,06, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B10	UBND cấp huyện thống kê kết quả thực hiện TTHC báo cáo Sở GTVT.	UBND cấp huyện	Ngày 5 hàng tháng	Phụ lục 10 Thông tư 06/2011/TT-

				BGTVT.
4	**BIỂU MẪU**			
	1. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018. 2. Mẫu Chứng chỉ. 3. Mẫu Đơn đề nghị đổi, cấp lại chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ. 4. Mẫu Sổ quản lý cấp chứng chỉ. 5. Mẫu Báo cáo công tác bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ và sử dụng phôi chứng chỉ.			

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI CHỨNG CHỈ
BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Ảnh 2x3 cm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI CHỨNG CHỈ
BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Kính gửi: ……(1)…….

Tôi là:.....

Ngày tháng năm sinh: .....

Số Căn cước công dân hoặc căn cước: .....

hoặc Hộ chiếu số…… ngày cấp……. nơi cấp: .....

Hiện tôi đã có Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ do cơ sở đào tạo ……. cấp.

Số Chứng chỉ: …… cấp ngày …… tháng …… năm ……....

Lý do xin cấp lại: .....

Đề nghị ……(1)…… cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ để điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ.

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

……, ngày ….. tháng …. năm 20……
NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

Sở Giao thông vận tải…../ Cơ sở đào tạo…..

MẪU CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG
KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG
KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

1. Hình thức

Mặt trước:

BỘ GTVT -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
XXXXXX/MT (1) **CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**	
Ảnh 2x3 cm	Họ và tên …… Ngày sinh …… Nơi cư trú ……
Không thời hạn	…, ngày … tháng … năm 20 … **NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU** **CƠ SỞ ĐÀO TẠO** *(Ký tên, đóng dấu)*

Mặt sau:

NGƯỜI ĐIỀU CẦN CHÚ Ý

1. Phải xuất trình Chứng chỉ để kiểm tra khi người làm nhiệm vụ trật tự an toàn giao thông yêu cầu.
2. Nghiêm cấm hành vi tẩy xóa Chứng chỉ.
3. Trường hợp mất, hỏng phải làm thủ tục cấp đổi, cấp lại tại nơi cấp Chứng chỉ lần đầu hoặc Sở Giao thông vận tải.

2. Quy cách

a) Kích thước: Chiều dài: 86 mm; Chiều rộng: 54 mm.

b) Màu sắc: Nền màu vàng nhạt; vỏ viền đỏ xung quanh rộng 1mm và cách mép ngoài của giấy chứng nhận là 1 mm.

c) Bảo mật chống làm giả: Loại giấy tốt, có hoa văn chống làm giả,

3. Cách ghi

3.1. Tại vị trí (1): Số cấp Chứng chỉ gồm 6 chữ số tự nhiên từ nhỏ đến lớn. Hai ký tự cuối MT là mã số cấp đăng ký quy định cho các tỉnh, thành phố tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về cấp, thu hồi đăng ký, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng.

3.2. In Chứng chỉ dùng phông chữ Times New roman, màu của chữ và số là màu đen; họ và tên người được cấp Chứng chỉ kiểu chữ in đậm màu đen.

3.3. Dấu đóng trên Chứng chỉ có hai dấu: Dấu thu nhỏ loại dấu nổi đóng giáp lai với ảnh của người được cấp Chứng chỉ và dấu mực đỏ đóng vào vị trí người ký cấp Chứng chỉ.

Phụ lục 3

DANH MỤC CÁC QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI THÀNH PHỐ HÀ NỘI VÀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THỰC HIỆN THEO PHƯƠNG ÁN ỦY QUYỀN GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Phụ lục kèm theo văn bản số: /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND Thành phố)

I. DANH MỤC CÁC QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI THÀNH PHỐ HÀ NỘI.

STT	Thứ tự Quy trình nội bộ bị bãi bỏ tại Quyết định của Chủ tịch UBND Thành phố	Tên quy trình nội bộ
1.	QT-11 Mục I, Phụ lục 1 kèm theo Quyết định số 5210/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu
2.	QT-12 Mục I, Phụ lục 1 kèm theo Quyết định số 5210/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có thời hạn
3.	QT-13 Mục I, Phụ lục 1 kèm theo Quyết định số 5210/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng
4.	QT-14 Mục I, Phụ lục 1 kèm theo Quyết định số 5210/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng
5.	QT-15 Mục I, Phụ lục 1 kèm theo Quyết định số 5210/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất
6.	QT-16 Mục I, Phụ lục 1 kèm theo Quyết định số 5210/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội	Sang tên chủ sở hữu xe máy chuyên dùng trong cùng một tỉnh, thành phố
7.	QT-17 Mục I, Phụ lục 1 kèm theo Quyết định số 5210/QĐ-UBND ngày	Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng ở khác tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

	04/10/2024 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội	
8.	QT-18 Mục I, Phụ lục 1 kèm theo Quyết định số 5210/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội	Đăng ký xe máy chuyên dùng từ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác chuyển đến
9.	QT-19 Mục I, Phụ lục 1 kèm theo Quyết định số 5210/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng
10.	QT-38 Phụ lục 1 kèm theo Quyết định số 5252/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội	Công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác
11.	QT-39 Phụ lục 1 kèm theo Quyết định số 5252/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội	Công bố lại đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác
12.	QT-10 Mục I, Phụ lục 1 kèm theo Quyết định số 5210/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam
13.	QT-02 Mục I, Phụ lục 1 kèm theo Quyết định số 5210/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội	Cấp lại Giấy phép lái xe quốc tế
14.	QT-01 Mục I, Phụ lục 1 kèm theo Quyết định số 5210/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội	Cấp Giấy phép lái xe quốc tế
15.	QT-07 Mục I, Phụ lục 1 kèm theo Quyết định số 5210/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Công an cấp
16.	QT-08 Mục I, Phụ lục 1 kèm theo Quyết định số 5210/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội	Đổi Giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp
17.	QT-04 Mục I, Phụ lục 1 kèm theo Quyết định số 5210/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội	Cấp mới Giấy phép lái xe
18.	QT-05 Mục I, Phụ lục 1 kèm theo	Cấp lại Giấy phép lái xe

	Quyết định số 5210/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội	
19.	QT-06 Mục I, Phụ lục 1 kèm theo Quyết định số 5210/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp
20.	QT-09 Mục I, Phụ lục 1 kèm theo Quyết định số 5210/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp
21.	QT-03 Mục I, Phụ lục 1 kèm theo Quyết định số 5210/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội	Đổi, cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng trường hợp Cơ sở đào tạo đã cấp Chứng chỉ không còn hoạt động
22.	QT-01 Phụ lục 1 kèm theo Quyết định số 1042/QĐ-UBND ngày 26/02/2024 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội	Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ
23.	QT-40 Phụ lục 1 kèm theo Quyết định số 5252/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội	Công bố đưa bến xe khách vào khai thác
24.	QT-41 Phụ lục 1 kèm theo Quyết định số 5252/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội	Công bố lại đưa bến xe khách vào khai thác
25.	QT.04-11.2020 Phụ lục 1 kèm theo Quyết định số 5399/QĐ-UBND ngày 02/12/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội	Cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ cao tốc đang khai thác
26.	QT-08 Phụ lục 1 kèm theo Quyết định số 5252/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội	Cấp phép thi công công trình đường bộ trên quốc lộ đang khai thác

II. DANH MỤC CÁC QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THỰC HIỆN THEO PHƯƠNG ÁN ỦY QUYỀN GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

STT	Thứ tự Quy trình nội bộ bị bãi bỏ tại Quyết định của Chủ tịch UBND Thành phố	Tên quy trình nội bộ
1.	QT-06 Phần I, phụ lục 1 kèm theo Quyết định số 5632/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu
2.	QT-07 Phần I, phụ lục 1 kèm theo Quyết định số 5632/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy huyên dùng có thời hạn
3.	QT-11 Phần I, phụ lục 1 kèm theo Quyết định số 5632/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng
4.	QT-08 Phần I, phụ lục 1 kèm theo Quyết định số 5632/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng
5.	QT-09 Phần I, phụ lục 1 kèm theo Quyết định số 5632/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất
6.	QT-12 Phần I, phụ lục 1 kèm theo Quyết định số 5632/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội	Sang tên chủ sở hữu xe máy chuyên dùng trong cùng một tỉnh, thành phố
7.	QT-13 Phần I, phụ lục 1 kèm theo Quyết định số 5632/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội	Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng ở khác tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
8.	QT-14 Phần I, phụ lục 1 kèm theo Quyết định số 5632/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội	Đăng ký xe máy chuyên dùng từ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác chuyển đến
9.	QT-10 Phần I, phụ lục 1 kèm theo	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký,

	Quyết định số 5632/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội	biển số xe máy chuyên dùng
10.	QT-45.2023 Phần II, phụ lục 1 kèm theo Quyết định số 4678/QĐ-UBND ngày 19/9/2023 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội	Công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác
11.	QT-46.2023 Phần II, phụ lục 1 kèm theo Quyết định số 4678/QĐ-UBND ngày 19/9/2023 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội	Công bố lại đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác
12.	QT-18 Phần II, phụ lục 1 kèm theo Quyết định số 5632/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội	Cấp lại Giấy phép lái xe
13.	QT-17 Phần II, phụ lục 1 kèm theo Quyết định số 5632/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp
14.	QT-16 Phần I, phụ lục 1 kèm theo Quyết định số 5632/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội	Đổi, cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng trường hợp Cơ sở đào tạo đã cấp Chứng chỉ không còn hoạt động